

Số: 1308 /QĐ-ĐHLHN

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành các Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 405/CP ngày 10 tháng 11 năm 1979 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Pháp lý Hà Nội (nay là Trường Đại học Luật Hà Nội);

Căn cứ Quyết định số 116/QĐ-BTP ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Đại học Luật Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 372/TTg ngày 24 tháng 7 năm 1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao nhiệm vụ đào tạo trên đại học cho Trường Đại học Luật Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 06 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Theo đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Trưởng các Khoa chuyên môn và Trưởng phòng Phòng Đào tạo sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này 07 (bảy) Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Luật Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, áp dụng đối với các khóa nghiên cứu sinh tuyển sinh từ năm 2026.

Điều 3. Trưởng phòng Phòng Đào tạo sau đại học, Trưởng các Khoa chuyên môn, Trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Trường Đại học Luật Hà Nội và các nghiên cứu sinh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để th/h);
- Bộ GD&ĐT, Bộ Tư pháp (để b/c);
- Đảng ủy (để b/c);
- Các Phó Hiệu trưởng (để chỉ đạo th/h);
- Lưu: VT, ĐTSĐH.

TU
HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
LUẬT
HÀ NỘI

Tổ Văn Hòa

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ
NGÀNH TỘI PHẠM HỌC VÀ PHÒNG NGỪA TỘI PHẠM**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1308/QĐ-ĐHLHN ngày 29 tháng 6 năm 2026 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

1. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Luật Hà Nội

- Tên gọi của văn bằng:

+ Tiếng Việt: BẰNG TIẾN SĨ
TỘI PHẠM HỌC VÀ PHÒNG NGỪA TỘI PHẠM

+ Tiếng Anh: THE DEGREE OF DOCTOR
OF CRIMINOLOGY AND CRIME PREVENTION

- Tên Chương trình đào tạo:

+ Tiếng Việt: Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm

+ Tiếng Anh: Doctoral Program in Criminology and Crime Prevention

- Mã ngành đào tạo của CTĐT: 9380105

- Thời gian đào tạo:

+ 03 năm đối với nghiên cứu sinh có đầu vào trình độ thạc sĩ;

+ 04 năm đối với nghiên cứu sinh có đầu vào trình độ đại học, không qua đào tạo thạc sĩ.

- Phương thức đào tạo: Tín chỉ

- Hình thức đào tạo: Chính quy

- Thời điểm thiết kế hoặc điều chỉnh CTĐT: Tháng 6/2026

2. SỨ MẠNG, TẦM NHÌN, GIÁ TRỊ CỐT LÕI VÀ TRIẾT LÝ GIÁO DỤC

2.1. Sứ mạng của Trường Đại học Luật Hà Nội

Trường Đại học Luật Hà Nội có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao; nghiên cứu, chuyển giao các sản phẩm khoa học pháp lý có chất lượng cao và truyền bá tư tưởng pháp lý phục vụ sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

2.2. Tầm nhìn đến năm 2030 của Trường Đại học Luật Hà Nội

Trường Đại học Luật Hà Nội trở thành cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên

cứ; trường trọng điểm về đào tạo pháp luật, trung tâm nghiên cứu và truyền bá tư tưởng pháp lý hàng đầu của Việt Nam, có vị thế trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới.

2.3. Giá trị cốt lõi: *Con người - Chất lượng - Thương hiệu - Hội nhập*

2.4. Triết lý giáo dục: Tạo nên những con người ham học hỏi, biết làm việc, sẵn sàng bảo vệ công lý, phục vụ nhân dân và phụng sự Tổ quốc.

3. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm hướng tới việc đào tạo những nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành có phẩm chất chính trị, đạo đức và trách nhiệm xã hội, có năng lực nghiên cứu độc lập, tư duy sáng tạo và dẫn dắt học thuật; trang bị một nền tảng tri thức chuyên sâu, tiên tiến về tội phạm học, từ đó có thể phát hiện, giải quyết các vấn đề thực tiễn và đưa ra các kết luận khoa học mang tính chuyên gia, góp phần kiến tạo tri thức mới, cung cấp các luận cứ khoa học cho việc hoạch định chính sách, pháp luật nhằm hiện thực hóa sứ mạng và tầm nhìn của Trường Đại học Luật Hà Nội trong sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

3.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm hướng tới những mục tiêu cụ thể sau:

- PO1: Trang bị cho nghiên cứu sinh hệ thống kiến thức lý luận, kiến thức thực tiễn chuyên sâu, tiên tiến về tội phạm học kết hợp với nền tảng kiến thức liên ngành và phương pháp nghiên cứu tạo cơ sở cho việc phát triển tư duy khoa học độc lập và phê phán.

- PO2: Phát triển cho nghiên cứu sinh năng lực nghiên cứu khoa học độc lập, thông qua việc làm chủ phương pháp luận nghiên cứu hiện đại và các kỹ năng của một nhà khoa học trong kỷ nguyên số, bao gồm khả năng khai thác, quản lý dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) một cách có trách nhiệm và đạo đức.

- PO3: Phát triển năng lực tư duy, phản biện, logic, sáng tạo và khả năng kiến tạo tri thức mới, giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh và đưa ra các kết luận khoa học mang tính chuyên gia, được thể hiện thông qua việc thực hiện một công trình luận án có đóng góp mới và đáng kể cho khoa học tội phạm học, với kết quả đáp ứng các tiêu chuẩn công bố khoa học.

- PO4: Hình thành ở nghiên cứu sinh phẩm chất, bản lĩnh và trách nhiệm xã hội của một chuyên gia đầu ngành, có tầm ảnh hưởng chuyên môn, đề cao liêm chính học thuật, có khả năng đảm nhiệm tốt các vị trí việc làm trong các môi trường đòi hỏi trình độ chuyên môn cao về tội phạm học và phòng ngừa tội phạm, sẵn sàng đóng góp trí tuệ vào sự phát triển của nền khoa học pháp lý và phụng sự Tổ quốc.

3.3. Ma trận tương thích của Mục tiêu đào tạo với Sứ mạng, Tầm nhìn, Giá trị cốt lõi và Triết lý giáo dục của Trường

Mục tiêu CTĐT	Sứ mạng	Tầm nhìn	Giá trị cốt lõi	Triết lý giáo dục
Các mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo	Trường Đại học Luật Hà Nội có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao; nghiên cứu, chuyển giao các sản phẩm khoa học pháp lý có chất lượng cao và truyền bá tư tưởng pháp lý phục vụ sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.	Trường Đại học Luật Hà Nội trở thành cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu; trường trọng điểm về đào tạo pháp luật, trung tâm nghiên cứu và truyền bá tư tưởng pháp lý hàng đầu của Việt Nam, có vị thế trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới.	Con người - Chất lượng - Thương hiệu - Hội nhập	Tạo nên những con người ham học hỏi, biết làm việc, sẵn sàng bảo vệ công lý, phục vụ nhân dân và phụng sự Tổ quốc.
Mục tiêu PO1: Trang bị cho nghiên cứu sinh hệ thống kiến thức lý luận, kiến thức thực tiễn chuyên sâu, tiên tiến về Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm, kết hợp với nền tảng kiến thức liên ngành và phương pháp nghiên cứu tạo cơ sở cho việc phát triển tư duy khoa	Nghiên cứu sinh được trang bị hệ thống kiến thức lý luận, thực tiễn chuyên sâu, tiên tiến về tội phạm và phòng ngừa tội phạm chính là nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao . Đây là nền tảng để hình thành đội ngũ có năng lực nghiên cứu, chuyển giao các sản phẩm khoa học pháp lý	Nghiên cứu sinh được trang bị kiến thức lý luận, thực tiễn chuyên sâu, tiên tiến về Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm có khả năng tham gia nghiên cứu Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm ở trình độ cao, qua tầm nhìn phát triển Trường Đại	Đào tạo nghiên cứu sinh có kiến thức lý luận, thực tiễn chuyên sâu về Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm và kiến thức liên ngành góp phần tạo nên chất lượng đào tạo, thương	Nghiên cứu sinh được trang bị hệ thống kiến thức lý luận, thực tiễn chuyên sâu, tiên tiến là những con người ham học hỏi, biết làm việc có hệ thống kiến thức lý luận, thực tiễn chuyên sâu, tiên tiến

Mục tiêu CTĐT	Sứ mạng	Tầm nhìn	Giá trị cốt lõi	Triết lý giáo dục
học độc lập và phê phán	có chất lượng cao, đồng thời góp phần truyền bá tư tưởng pháp lý phục vụ xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.	học Luật Hà Nội thành cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu, Trường trọng điểm về đào tạo pháp luật, trung tâm nghiên cứu, truyền bá tư tưởng pháp lý hàng đầu của Việt Nam, nâng cao vị thế học thuật của Trường trong khu vực và trên thế giới.	hiệu của Trường trong lĩnh vực pháp luật và đáp ứng yêu cầu hội nhập	về Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm, kết hợp với nền tảng kiến thức liên ngành, có tư duy khoa học độc lập và phê phán để sẵn sàng bảo vệ công lý, phục vụ nhân dân và phụng sự Tổ quốc.
Mục tiêu PO2: Phát triển cho nghiên cứu sinh năng lực nghiên cứu khoa học độc lập, thông qua việc làm chủ phương pháp luận nghiên cứu hiện đại và các kỹ năng của một nhà khoa học trong kỷ nguyên số, bao gồm khả năng khai thác, quản lý dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) một cách	Nghiên cứu sinh với năng lực nghiên cứu khoa học độc lập, thông qua việc làm chủ phương pháp luận nghiên cứu hiện đại và các kỹ năng của một nhà khoa học trong kỷ nguyên số là nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao để nghiên cứu, truyền bá và phát triển khoa học tội phạm học chất	Nghiên cứu sinh biết tìm kiếm, khai thác, quản lý dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) một cách có trách nhiệm để nghiên cứu, tiếp thu thành tựu khoa học, đáp ứng yêu cầu phát triển Trường theo định hướng nghiên cứu, trở thành cơ sở đào tạo luật hàng đầu của Việt	Nghiên cứu sinh có kiến thức Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm, kỹ năng khai thác, quản lý dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) một cách có trách nhiệm và đạo đức, đáp ứng giá trị cốt lõi về con người có chất lượng	Nghiên cứu sinh với năng lực nghiên cứu khoa học độc lập là những con người ham học hỏi, biết làm việc, có năng lực và các kỹ năng của một nhà khoa học trong kỷ nguyên số để sẵn sàng bảo vệ công lý, phục vụ

Mục tiêu CTĐT	Sứ mạng	Tầm nhìn	Giá trị cốt lõi	Triết lý giáo dục
có trách nhiệm và đạo đức.	lượng cao và hội nhập quốc tế.	Nam, có vị thế trong khu vực. Đông Nam Á và trên thế giới.	cao, thương hiệu và hội nhập.	nhân dân và phụng sự Tổ quốc.
<p>Mục tiêu PO3:</p> <p>Phát triển năng lực tư duy phản biện, logic, sáng tạo và khả năng kiến tạo tri thức mới, giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh và đưa ra các kết luận khoa học mang tính chuyên gia, được thể hiện thông qua việc thực hiện một công trình luận án có đóng góp mới và đáng kể cho khoa học tội phạm học, với kết quả đáp ứng các tiêu chuẩn công bố khoa học.</p>	<p>Nghiên cứu sinh với năng lực tư duy phản biện, logic, sáng tạo; năng lực nghiên cứu chuyên sâu về Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm, kiến tạo tri thức mới, ứng dụng giải quyết các vấn đề Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm phát sinh trong thực tiễn, trực tiếp góp phần phát triển nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao, phục vụ xây dựng Nhà nước pháp quyền và hội nhập quốc tế.</p>	<p>Nghiên cứu sinh với năng lực tư duy sáng tạo và khả năng kiến tạo tri thức mới có khả năng tham gia nghiên cứu Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm ở trình độ cao, qua đó hiện thực hóa tầm nhìn phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội thành cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu, Trường trọng điểm về đào tạo pháp luật, trung tâm nghiên cứu, truyền bá tư tưởng pháp lý hàng đầu của Việt Nam, nâng cao vị thế học thuật của Trường trong khu vực và trên thế giới.</p>	<p>Nghiên cứu sinh với khả năng kiến tạo tri thức mới, giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh thuộc các lĩnh vực Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm, góp phần phát triển nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao, tạo dựng thương hiệu trong quá trình hội nhập.</p>	<p>Nghiên cứu sinh với năng lực tư duy phản biện, logic, sáng tạo; năng lực nghiên cứu chuyên sâu là những con người ham học hỏi, biết làm việc, có khả năng giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh và đưa ra các kết luận khoa học mang tính chuyên gia, sẵn sàng bảo vệ công lý, phục vụ nhân dân và phụng sự Tổ quốc.</p>

Mục tiêu CTĐT	Sứ mạng	Tầm nhìn	Giá trị cốt lõi	Triết lý giáo dục
<p>Mục tiêu PO4:</p> <p>Hình thành ở nghiên cứu sinh phẩm chất, bản lĩnh và trách nhiệm xã hội của một chuyên gia đầu ngành, có tầm ảnh hưởng chuyên môn, đề cao liêm chính học thuật, có khả năng đảm nhiệm tốt các vị trí việc làm trong các môi trường đòi hỏi trình độ chuyên môn cao về Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm, sẵn sàng đóng góp trí tuệ vào sự phát triển của nền khoa học pháp lý và phụng sự Tổ quốc.</p>	<p>Phẩm chất đạo đức, bản lĩnh, trách nhiệm xã hội của một chuyên gia đầu ngành, có tầm ảnh hưởng chuyên môn, đáp ứng sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, phục vụ cho quá trình phát triển và hội nhập quốc tế của đất nước.</p>	<p>Phẩm chất của một chuyên gia đầu ngành, có tầm ảnh hưởng chuyên môn có khả năng nghiên cứu, tiếp thu thành tựu khoa học tội phạm học và phòng ngừa tội phạm, đáp ứng yêu cầu phát triển Trường theo định hướng nghiên cứu, trở thành cơ sở đào tạo luật hàng đầu của Việt Nam, có vị thế trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới.</p>	<p>Phẩm chất đạo đức, bản lĩnh, trách nhiệm xã hội và năng lực của một chuyên gia đầu ngành, đáp ứng giá trị cốt lõi về con người, chất lượng, thương hiệu và hội nhập.</p>	<p>Phẩm chất đạo đức, bản lĩnh, trách nhiệm xã hội và năng lực của một chuyên gia đầu ngành tạo nên những con người sẵn sàng bảo vệ công lý, phục vụ nhân dân và phụng sự Tổ quốc.</p>

3.4. Ma trận tương thích của Mục tiêu đào tạo với Khung trình độ quốc gia Việt Nam (bậc 8)

Mục tiêu chương trình đào tạo	Khung trình độ quốc gia Việt Nam (bậc 8)		
	Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ & trách nhiệm
Các mục tiêu cụ thể của CTĐT	- Kiến thức tiên tiến, chuyên sâu ở vị trí hàng đầu của một lĩnh vực khoa học.	- Kỹ năng làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu và phát triển.	- Nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới. - Đưa ra các ý tưởng, kiến thức mới trong

Mục tiêu chương trình đào tạo	Khung trình độ quốc gia Việt Nam (bậc 8)		
	Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ & trách nhiệm
	<ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức cốt lõi, nền tảng thuộc lĩnh vực của chuyên ngành đào tạo. - Kiến thức về tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mới. - Kiến thức về quản trị tổ chức. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng tổng hợp, làm giàu và bổ sung tri thức chuyên môn. - Kỹ năng suy luận, phân tích các vấn đề khoa học và đưa ra những hướng xử lý một cách sáng tạo, độc đáo. - Kỹ năng quản lý, điều hành chuyên môn trong nghiên cứu và phát triển. - Tham gia thảo luận trong nước và quốc tế thuộc ngành hoặc lĩnh vực nghiên cứu và phổ biến các kết quả nghiên cứu. 	<ul style="list-style-type: none"> những hoàn cảnh phức tạp và khác nhau. - Thích ứng, tự định hướng và dẫn dắt những người khác. - Phán quyết, ra quyết định mang tính chuyên gia. - Quản lý nghiên cứu và có trách nhiệm cao trong việc học tập để phát triển tri thức chuyên nghiệp, kinh nghiệm và sáng tạo ra ý tưởng mới và quá trình mới.
<p>Mục tiêu PO1: Trang bị cho nghiên cứu sinh hệ thống kiến thức lý luận, kiến thức thực tiễn chuyên sâu, tiên tiến về Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm, kết hợp với nền tảng kiến thức liên ngành và phương pháp luật học so sánh, tạo cơ sở cho việc phát triển tư duy</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức lý luận, thực tiễn tiên tiến chuyên sâu về Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm mà nghiên cứu sinh được trang bị đáp ứng yêu cầu kiến thức tiên tiến, chuyên sâu ở vị trí hàng đầu của một lĩnh vực khoa học, đồng thời bảo đảm kiến thức cốt lõi, nền tảng thuộc lĩnh vực của chuyên ngành đào tạo. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức về phương pháp luật học so sánh với nền tảng liên ngành giúp nghiên cứu sinh làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu và phát triển, góp phần hỗ trợ cho nghiên cứu sinh trong suy luận, phân tích các vấn đề khoa học trong lĩnh vực tội phạm học và đưa ra những hướng xử lý một cách sáng tạo, độc đáo. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức lý luận, thực tiễn chuyên sâu, tiên tiến về tội phạm học kết hợp với nền tảng kiến thức liên ngành và phương pháp luật học so sánh, mà nghiên cứu sinh được trang bị đáp ứng yêu cầu có khả năng nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới, thích ứng trong công việc, tự định hướng và dẫn dắt người khác trong lĩnh vực Tội

Mục tiêu chương trình đào tạo	Khung trình độ quốc gia Việt Nam (bậc 8)		
	Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ & trách nhiệm
khoa học độc lập và phê phán.	- Kiến thức liên ngành và phương pháp luật học so sánh mà nghiên cứu sinh được trang bị tạo cơ sở để nghiên cứu sinh tổ chức nghiên cứu khoa học, tiếp cận các vấn đề tội phạm học và phòng ngừa tội phạm trong mối liên hệ với chính trị, kinh tế, xã hội, quan hệ quốc tế và quản trị toàn cầu. Do đó, phù hợp với yêu cầu về kiến thức tổ chức nghiên cứu khoa học, phát triển tri thức mới và kiến thức về quản trị tổ chức trong bối cảnh tội phạm học hiện đại.	- Kiến thức lý luận, thực tiễn chuyên sâu, tiên tiến về Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm, kết hợp với nền tảng kiến thức liên ngành giúp nghiên cứu sinh có kỹ năng tổng hợp, chủ động làm giàu và bổ sung tri thức chuyên môn trong lĩnh vực Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm cũng như kỹ năng quản lý, điều hành chuyên môn . - Kiến thức lý luận, thực tiễn chuyên sâu, tiên tiến về Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm tạo nền tảng để nghiên cứu sinh tham gia các thảo luận khoa học trong nước và quốc tế, trình bày, trao đổi và phổ biến kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm.	phạm học và Phòng ngừa tội phạm. - Kiến thức lý luận, thực tiễn chuyên sâu, tiên tiến về Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm mà nghiên cứu sinh được trang bị đáp ứng yêu cầu có khả năng đưa ra các ý tưởng, kiến thức mới trong những hoàn cảnh phức tạp và khác nhau; đồng thời có khả năng phán quyết, ra quyết định mang tính chuyên gia . - Kiến thức liên ngành và phương pháp luật học so sánh mà nghiên cứu sinh được trang bị đáp ứng yêu cầu có khả năng quản lý nghiên cứu và có trách nhiệm cao trong việc học tập để phát triển tri thức chuyên nghiệp, kinh nghiệm và sáng tạo ra ý tưởng mới và quá trình mới.
Mục tiêu PO2: Phát triển cho	- Năng lực nghiên cứu khoa học độc lập	- Các kỹ năng được trang bị cho nghiên	- Nghiên cứu sinh có năng lực nghiên cứu

Mục tiêu chương trình đào tạo	Khung trình độ quốc gia Việt Nam (bậc 8)		
	Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ & trách nhiệm
<p>ngiên cứu sinh năng lực nghiên cứu khoa học độc lập, thông qua việc làm chủ phương pháp luận nghiên cứu hiện đại và các kỹ năng của một nhà khoa học trong kỷ nguyên số, bao gồm khả năng khai thác, quản lý dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) một cách có trách nhiệm và đạo đức.</p>	<p>giúp nghiên cứu sinh nắm được các kiến thức cốt lõi, nền tảng, kiến thức tiên tiến và chuyên sâu trong lĩnh vực Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm</p> <p>- Phương pháp luận nghiên cứu hiện đại và các kỹ năng của một nhà khoa học trong kỷ nguyên số giúp nghiên cứu sinh có khả năng tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển các lý thuyết, giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh trong lĩnh vực Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm</p> <p>- Kỹ năng của nhà khoa học trong kỷ nguyên số, bao gồm khai thác, quản lý dữ liệu và ứng dụng AI có trách nhiệm, phù hợp với yêu cầu về kiến thức tổ chức nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ mới và quản trị tổ chức hoạt động nghiên cứu trong</p>	<p>cứu sinh để có thể nghiên cứu khoa học độc lập đáp ứng yêu cầu có kỹ năng làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu và phát triển; kỹ năng tổng hợp, làm giàu và bổ sung tri thức chuyên môn; kỹ năng suy luận, phân tích các vấn đề khoa học và đưa ra những hướng xử lý một cách sáng tạo, độc đáo trong lĩnh vực Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm.</p> <p>- Các kỹ năng được trang bị cho nghiên cứu sinh để có thể nghiên cứu khoa học độc lập đáp ứng yêu cầu có kỹ năng quản lý, điều hành chuyên môn trong nghiên cứu và phát triển trong lĩnh vực Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm.</p> <p>. Bên cạnh đó, việc ứng dụng AI có trách nhiệm và đạo đức còn góp phần bảo đảm năng lực quản lý,</p>	<p>khoa học độc lập đáp ứng yêu cầu ngiên cứu, sáng tạo tri thức mới, thích ứng, tự định hướng và dẫn dắt những người khác.</p> <p>- Nghiên cứu sinh có năng lực nghiên cứu độc lập, làm chủ phương pháp luận nghiên cứu hiện đại và các kỹ năng của một nhà khoa học trong kỷ nguyên số đáp ứng yêu cầu phán quyết, ra quyết định mang tính chuyên gia, phát triển tri thức chuyên nghiệp, kinh nghiệm và sáng tạo ra ý tưởng mới và quá trình mới trong lĩnh vực Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm.</p> <p>- Việc đề cao trách nhiệm và đạo đức trong nghiên cứu cũng bảo đảm nghiên cứu sinh có trách nhiệm cao trong phát triển tri thức chuyên</p>

Mục tiêu chương trình đào tạo	Khung trình độ quốc gia Việt Nam (bậc 8)		
	Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ & trách nhiệm
	môi trường học thuật hiện đại.	điều hành hoạt động nghiên cứu trong bối cảnh chuyển đổi số.	nghiệp , sử dụng công nghệ mới một cách phù hợp và đóng góp vào môi trường học thuật liên chính.
<p>Mục tiêu PO3:</p> <p>Phát triển năng lực tư duy, phản biện, logic sáng tạo và khả năng kiến tạo tri thức mới, giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh và đưa ra các kết luận khoa học mang tính chuyên gia, được thể hiện thông qua việc thực hiện một công trình luận án có đóng góp mới và đáng kể cho khoa học tội phạm học và phòng ngừa tội phạm.</p>	<p>- Năng lực tư duy sáng tạo, khả năng kiến tạo tri thức mới, khả năng giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh và đưa ra các kết luận khoa học mang tính chuyên gia giúp nghiên cứu sinh nắm được kiến thức tiên tiến, chuyên sâu ở vị trí hàng đầu trong lĩnh vực Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm.</p> <p>- Việc thực hiện một công trình luận án có đóng góp mới và đáng kể cho khoa học tội phạm học và phòng ngừa tội phạm, với kết quả đáp ứng các tiêu chuẩn công bố khoa học đòi hỏi nghiên cứu sinh phải có kiến thức về tổ chức nghiên cứu khoa học, kiến thức cốt</p>	<p>- Các kỹ năng được trang bị cho nghiên cứu sinh để có thể kiến tạo tri thức mới, giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh và đưa ra các kết luận khoa học mang tính chuyên gia đáp ứng yêu cầu có kỹ năng tổng hợp, làm giàu và bổ sung tri thức chuyên môn, kỹ năng suy luận, phân tích các vấn đề khoa học và đưa ra những hướng xử lý một cách sáng tạo, độc đáo.</p> <p>- Các kỹ năng được trang bị cho nghiên cứu sinh để có thể thực hiện một công trình luận án có đóng góp mới và đáng kể cho khoa học tội phạm học và phòng ngừa tội phạm, với kết quả đáp ứng các tiêu chuẩn công bố khoa học đáp</p>	<p>- Nghiên cứu sinh có năng lực tư duy sáng tạo và khả năng kiến tạo tri thức mới đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới, đưa ra ý tưởng, kiến thức mới trong những hoàn cảnh phức tạp và khác nhau, phát triển tri thức chuyên nghiệp, kinh nghiệm và sáng tạo ra ý tưởng mới và quá trình mới.</p> <p>- Nghiên cứu sinh có năng lực và tư duy giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh và đưa ra các kết luận khoa học mang tính chuyên gia đáp ứng yêu cầu đưa ra các ý tưởng, phán quyết, quyết định mang tính chuyên gia, thích ứng, tự định</p>

Mục tiêu chương trình đào tạo	Khung trình độ quốc gia Việt Nam (bậc 8)		
	Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ & trách nhiệm
	lỗi, nền tảng và chuyên sâu trong lĩnh vực Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm.	ứng yêu cầu có kỹ năng suy luận, phân tích các vấn đề khoa học, làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu và phát triển.	hướng và dẫn dắt những người khác. - Nghiên cứu sinh có năng lực tư duy sáng tạo và khả năng kiến tạo tri thức mới, giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh và đưa ra các kết luận khoa học mang tính chuyên gia, đáp ứng yêu cầu thích ứng, tự định hướng và dẫn dắt những người khác.
Mục tiêu PO4: Hình thành ở nghiên cứu sinh phẩm chất, bản lĩnh và trách nhiệm xã hội của một chuyên gia đầu ngành, có tầm ảnh hưởng chuyên môn, đề cao liêm chính học thuật, có khả năng đảm nhiệm tốt các vị trí việc làm trong các môi trường đòi hỏi trình độ chuyên môn cao về Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm, sẵn sàng	- Việc hình thành ở nghiên cứu sinh năng lực chuyên môn có tầm ảnh hưởng, khả năng đảm nhiệm tốt các vị trí việc làm trong các môi trường đòi hỏi trình độ chuyên môn cao về Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm - Đòi hỏi nghiên cứu sinh có kiến thức tiên tiến, chuyên sâu ở vị trí hàng đầu trong lĩnh vực Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm. - Nội dung về trách nhiệm xã hội, liêm	Việc hình thành ở nghiên cứu sinh năng lực chuyên môn có tầm ảnh hưởng, có khả năng đảm nhiệm tốt các vị trí việc làm trong các môi trường yêu cầu trình độ chuyên môn cao đòi hỏi nghiên cứu sinh có kỹ năng làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu và phát triển, kỹ năng làm giàu và bổ sung tri thức chuyên môn, kỹ năng tổng hợp, làm giàu và bổ sung tri thức chuyên môn, suy luận, phân	Việc hình thành ở nghiên cứu sinh phẩm chất, bản lĩnh, trách nhiệm xã hội của một chuyên gia đầu ngành, có tầm ảnh hưởng chuyên môn, đề cao liêm chính học thuật. Đây là những biểu hiện rõ của khả năng tự định hướng, dẫn dắt người khác, phán quyết và ra quyết định mang tính chuyên gia. - Việc sẵn sàng đóng góp trí tuệ vào sự phát triển của nền khoa học pháp lý và phụng sự Tổ quốc

Mục tiêu chương trình đào tạo	Khung trình độ quốc gia Việt Nam (bậc 8)		
	Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ & trách nhiệm
đóng góp trí tuệ vào sự phát triển của nền khoa học pháp lý và phụng sự Tổ quốc.	chính học thuật, đóng góp cho khoa học pháp lý và phụng sự Tổ quốc cũng phù hợp với yêu cầu về kiến thức quản trị tổ chức, quản trị hoạt động chuyên môn và nhận thức về vai trò xã hội của chuyên gia trong môi trường học thuật, nghề nghiệp và quản lý.	tích các vấn đề khoa học và đưa ra những hướng xử lý một cách sáng tạo, độc đáo. - Vai trò chuyên gia đầu ngành đòi hỏi nghiên cứu sinh có kỹ năng quản lý, điều hành chuyên môn trong nghiên cứu và phát triển, kỹ năng tham gia thảo luận trong nước, quốc tế và phổ biến kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm.	cũng thể hiện trách nhiệm cao trong học tập, nghiên cứu , phát triển tri thức chuyên nghiệp, sáng tạo ý tưởng mới và tham gia giải quyết các vấn đề phức tạp của thực tiễn Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

4.1. Nội dung chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm, nghiên cứu sinh có các kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm sau đây:

* Về Kiến thức (Knowledge)

- **PLO1: Phân tích và luận giải chuyên sâu, toàn diện các kiến thức cốt lõi, nền tảng** của khoa học tội phạm học, bao gồm các học thuyết, các đối tượng nghiên cứu chính, nghiên cứu chuyên sâu của Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm; **hiểu rõ** cấu trúc và sự vận hành của các đối tượng nghiên cứu trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền và hội nhập quốc tế.

- **PLO2: Đánh giá và vận dụng kiến thức tiên tiến, chuyên sâu ở vị trí hàng đầu** của lĩnh vực Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm để phân tích, lý giải các vấn đề pháp lý – xã hội phức tạp; **hiểu rõ** bản chất, xu hướng phát triển của tội phạm học, đặc biệt trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền và hội nhập quốc tế.

- **PLO3: Vận dụng** kiến thức về **tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sáng tạo tri thức mới** trong lĩnh vực tội phạm học; đề xuất các luận cứ khoa học, các giải pháp pháp lý và kiến nghị hoàn thiện pháp luật, chính sách và mô hình **quản trị tổ chức** trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền và hội nhập quốc tế.

*** Về Kỹ năng (Skills)**

- **PLO4: Thiết kế, triển khai** và hoàn thành một dự án nghiên cứu khoa học độc lập ở trình độ tiến sĩ (luận án tiến sĩ), trong đó **làm chủ** các lý thuyết khoa học, phương pháp và công cụ nghiên cứu phù hợp; **tạo ra** kết quả nghiên cứu có **tính mới**, có đóng góp đáng kể cho tri thức khoa học hoặc giải quyết được vấn đề lý luận, thực tiễn quan trọng về Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm.

- **PLO5: Vận dụng** thành thạo các kỹ năng tổng hợp, tư duy phản biện, tư duy logic, suy luận và phân tích pháp lý để phát hiện, đánh giá và xử lý các vấn đề khoa học phức tạp trong lĩnh vực Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm; **tạo ra** được các công trình khoa học (báo cáo hội nghị, bài báo, chương sách chuyên khảo...) có giá trị học thuật, đáp ứng tiêu chuẩn công bố trên các tạp chí chuyên ngành, hoặc bởi các nhà xuất bản uy tín.

- **PLO6: Vận dụng** các kỹ năng quản lý, điều hành chuyên môn trong nghiên cứu và phát triển; trình bày, thảo luận, truyền đạt và bảo vệ một cách thuyết phục các luận điểm, phương pháp và kết quả nghiên cứu trước cộng đồng học thuật trong nước và quốc tế; phổ biến các kết quả nghiên cứu; sử dụng ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

- **PLO7: Ứng dụng thành thạo** các công cụ kỹ thuật số tiên tiến để khai thác cơ sở dữ liệu pháp lý trong nước và quốc tế, quản lý dữ liệu nghiên cứu, trích dẫn học liệu và hỗ trợ phân tích pháp lý; sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) một cách có đạo đức, trách nhiệm phù hợp với yêu cầu liên chính học thuật nhằm nâng cao chất lượng nghiên cứu.

*** Về mức độ tự chủ và trách nhiệm (Autonomy and Responsibility)**

- **PLO8: Thể hiện** năng lực tự chủ học thuật trong việc hình thành ý tưởng nghiên cứu và **sáng tạo tri thức mới** và đưa ra các kết luận, khuyến nghị khoa học mang tính chuyên gia phục vụ hoạch định, thực thi chính sách, hoàn thiện pháp luật, hoàn thiện thể chế và bảo vệ công lý.

- **PLO9: Tuân thủ và bảo vệ** các chuẩn mực về liên chính học thuật, đạo đức nghiên cứu và trách nhiệm khoa học, chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, minh bạch và đóng góp khoa học của công trình nghiên cứu trong lĩnh vực Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm.

- **PLO10: Chủ động** tự định hướng, **thích ứng và phát triển** năng lực nghiên cứu trong môi trường học thuật có sự thay đổi; tổ chức, **quản lý và dẫn dắt** được hoạt động nghiên cứu hoặc nhóm nghiên cứu trong lĩnh vực Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm với tinh thần trách nhiệm cao và thái độ học thuật chuyên nghiệp.

- **PLO11: Vận dụng** tri thức chuyên môn và năng lực nghiên cứu độc lập để giải quyết các vấn đề thực tiễn liên quan đến lĩnh vực Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm; góp phần thúc đẩy các giá trị của nhà nước pháp quyền, bảo vệ công lý và phụng sự Tổ quốc.

4.2. Ma trận đáp ứng mục tiêu của các chuẩn đầu ra

CHUẨN ĐẦU RA	Mục tiêu PO1	Mục tiêu PO2	Mục tiêu PO3	Mục tiêu PO4
* Kiến thức:				
PLO1: Phân tích và luận giải chuyên sâu, toàn diện các kiến thức cốt lõi, nền tảng của khoa học tội phạm học, bao gồm các học thuyết, các đối tượng nghiên cứu chính, nghiên cứu chuyên sâu của Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm; hiểu rõ cấu trúc và sự vận hành của các đối tượng nghiên cứu trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền và hội nhập quốc tế	X			
PLO2: Đánh giá và vận dụng kiến thức tiên tiến, chuyên sâu ở vị trí hàng đầu của lĩnh vực Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm để phân tích, lý giải các vấn đề pháp lý – xã hội phức tạp; hiểu rõ bản chất, xu hướng phát triển của tội phạm học, đặc biệt trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền và hội nhập quốc tế.	X		X	
PLO3: Vận dụng kiến thức về tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sáng tạo tri thức mới trong lĩnh vực tội phạm học; đề xuất các luận cứ khoa học, các giải pháp pháp lý và kiến nghị hoàn thiện pháp luật, chính sách và mô hình quản trị tổ chức trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền và hội nhập quốc tế.	X	X	X	
* Kỹ năng:				
PLO4: Thiết kế, triển khai và hoàn thành một dự án nghiên cứu khoa học độc lập ở trình độ tiến sĩ (luận án tiến sĩ), trong đó làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp và công cụ nghiên cứu phù hợp; tạo ra kết quả nghiên cứu có tính mới,		X	X	

có đóng góp đáng kể cho tri thức khoa học hoặc giải quyết được vấn đề lý luận, thực tiễn quan trọng về Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm.				
PLO5: Vận dụng thành thạo các kỹ năng tổng hợp, tư duy phản biện, tư duy logic, suy luận và phân tích pháp lý để phát hiện, đánh giá và xử lý các vấn đề khoa học phức tạp trong lĩnh vực Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm; tạo ra được các công trình khoa học (báo cáo hội nghị, bài báo, chương sách chuyên khảo...) có giá trị học thuật, đáp ứng tiêu chuẩn công bố trên các tạp chí chuyên ngành, hoặc bởi các nhà xuất bản uy tín.	X	X	X	
PLO6: Vận dụng các kỹ năng quản lý, điều hành chuyên môn trong nghiên cứu và phát triển; trình bày, thảo luận, truyền đạt và bảo vệ một cách thuyết phục các luận điểm, phương pháp và kết quả nghiên cứu trước cộng đồng học thuật trong nước và quốc tế; phổ biến các kết quả nghiên cứu; sử dụng ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.		X	X	X
PLO7: Ứng dụng thành thạo các công cụ kỹ thuật số tiên tiến để khai thác cơ sở dữ liệu pháp lý trong nước và quốc tế, quản lý dữ liệu nghiên cứu, trích dẫn học liệu và hỗ trợ phân tích pháp lý; sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) một cách có đạo đức, trách nhiệm phù hợp với yêu cầu liên chính học thuật nhằm nâng cao chất lượng nghiên cứu.		X		X
* Mức độ tự chủ và trách nhiệm				
PLO8: Thể hiện năng lực tự chủ học thuật trong việc hình thành ý tưởng nghiên cứu và sáng tạo tri thức mới và đưa ra các kết luận, khuyến nghị khoa học mang tính chuyên gia phục vụ hoạch định, thực thi chính sách, hoàn thiện pháp luật, hoàn thiện thể chế và bảo vệ công lý.			X	X
PLO9: Tuân thủ và bảo vệ các chuẩn mực về liên chính học thuật, đạo đức nghiên cứu và trách nhiệm khoa học, chịu trách nhiệm về tính		X		X

chính xác, trung thực, minh bạch và đóng góp khoa học của công trình nghiên cứu trong lĩnh vực Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm.				
PLO10: Chủ động tự định hướng, thích ứng và phát triển năng lực nghiên cứu trong môi trường học thuật có sự thay đổi; tổ chức, quản lý và dẫn dắt được hoạt động nghiên cứu hoặc nhóm nghiên cứu trong lĩnh vực Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm với tinh thần trách nhiệm cao và thái độ học thuật chuyên nghiệp.		X	X	X
PLO11: Vận dụng tri thức chuyên môn và năng lực nghiên cứu độc lập để giải quyết các vấn đề thực tiễn liên quan đến lĩnh vực Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm; góp phần thúc đẩy các giá trị của nhà nước pháp quyền, bảo vệ công lý và phụng sự Tổ quốc.	X		X	X

4.3. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp

Người học tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm có năng lực nghề nghiệp để đảm nhiệm các công việc, nhưng không giới hạn, ở các vị trí:

- Chuyên gia nghiên cứu tội phạm học tại các cơ sở nghiên cứu và các cơ quan, tổ chức khác.
- Giảng viên/giáo viên giảng dạy các học phần liên quan đến pháp luật tại các cơ sở giáo dục đào tạo.
- Chuyên gia hành nghề trong lĩnh vực pháp luật tại các cơ quan tư pháp, bộ trợ tư pháp thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư, công chứng viên, đấu giá viên, chấp hành viên, trọng tài viên, thừa phát lại... hoặc hành nghề luật khác.
- Chuyên gia tham mưu, tư vấn, xây dựng và thực hiện chính sách, pháp luật cho các cơ quan, tổ chức và cá nhân.
- Chuyên gia cho các dự án, chương trình, tổ chức quốc tế.

4.4. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Người học tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm có thể tiếp tục theo học các chương trình đào tạo sau tiến sĩ, tham gia các chương trình nghiên cứu chuyên sâu tại các cơ sở đào tạo và viện nghiên cứu trong nước và quốc tế; đồng thời có khả năng tự học, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn, mở rộng hướng nghiên cứu và phát triển năng lực học thuật ở mức cao hơn.

5. CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, TÀI LIỆU, CHUẨN MÀ TRƯỜNG THAM KHẢO

** Các văn bản pháp luật hiện hành của Việt Nam về chương trình đào tạo, quy chế đào tạo, khung trình độ quốc gia Việt Nam, xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo...*

- Luật Giáo dục đại học năm 2025.

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo.

- Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ.

** Tham khảo, đối sánh về cấu trúc chương trình đào tạo và một số học phần phù hợp trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm hoặc khối ngành pháp luật của các cơ sở đào tạo luật trong nước:*

Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm của Trường Đại học Luật Hà Nội được xây dựng dựa trên sự tham khảo chương trình đào tạo tiến sĩ của cơ sở đào tạo trong nước như: Học viện An ninh Nhân dân và Học viện Khoa học xã hội. Theo đó, Chương trình đào tạo tiến sĩ ngành Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm của Học viện An ninh nhân dân nhằm đào tạo đội ngũ cán bộ nghiên cứu, giảng dạy và thực tiễn có trình độ cao trong lĩnh vực phòng, chống tội phạm và bảo đảm an ninh, trật tự. Chương trình tập trung trang bị kiến thức chuyên sâu về lý luận tội phạm học, nguyên nhân và điều kiện của tội phạm, dự báo tình hình tội phạm, cũng như các biện pháp phòng ngừa và đấu tranh phòng, chống tội phạm trong bối cảnh hiện đại. Bên cạnh các học phần chuyên sâu và phương pháp nghiên cứu khoa học, nghiên cứu sinh phải thực hiện công trình nghiên cứu độc lập, công bố bài báo khoa học và bảo vệ luận án tiến sĩ. Chương trình có tính ứng dụng thực tiễn cao, gắn với yêu cầu công tác của lực lượng Công an nhân dân và hoạt động bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Các học phần ở kiến thức cơ sở như: chính sách pháp luật về phòng chống tội phạm; phòng ngừa tái phạm; phòng ngừa tội phạm có yếu tố nước ngoài.

Chương trình đào tạo tiến sĩ ngành Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm của Học viện Cảnh sát nhân dân được triển khai từ nhiều năm và hiện đào tạo theo mã ngành 9380105. Chương trình hướng tới đào tạo đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học và cán bộ lãnh đạo có trình độ cao trong lĩnh vực phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Người học được trang bị kiến thức chuyên sâu về lý luận tội phạm học, pháp luật hình sự, nghiệp vụ phòng chống tội phạm và phương pháp nghiên cứu khoa học hiện đại; đồng thời phát triển năng lực phân tích tình hình tội phạm, dự báo xu hướng tội phạm và đề xuất các giải pháp phòng ngừa có tính chiến lược, thực tiễn. Chương trình đào tạo chính quy với thời gian từ 3 đến 4 năm, gắn chặt giữa nghiên cứu lý luận và yêu cầu thực tiễn công tác trong lực lượng Công an nhân dân, đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ công tác tham mưu, chỉ huy, giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm – Trường Đại học Luật Hà Nội

Chương trình đào tạo tiến sĩ ngành Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm của Học viện Khoa học xã hội được xây dựng theo định hướng nghiên cứu, nhằm đào tạo đội ngũ chuyên gia, giảng viên và nhà khoa học có trình độ cao trong lĩnh vực nghiên cứu tội phạm và phòng ngừa tội phạm. Chương trình chú trọng gắn kết giữa nghiên cứu khoa học với thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm và yêu cầu bảo đảm an ninh, trật tự trong bối cảnh hiện nay. Cấu trúc chương trình đào tạo tiến sĩ gồm các học phần chung và học phần chuyên ngành với tổng khối lượng 8 tín chỉ. Trong đó, hai học phần chung bao gồm: “Những vấn đề cấp bách của khoa học xã hội ở nước ta hiện nay” và “Thiết kế nghiên cứu khoa học xã hội: Lý luận và thực tiễn”. Các học phần này giúp nghiên cứu sinh nâng cao nền tảng lý luận, tư duy khoa học và phương pháp nghiên cứu chuyên sâu phục vụ cho quá trình thực hiện luận án.

Bên cạnh đó, nghiên cứu sinh học các học phần chuyên ngành tiến sĩ liên quan trực tiếp đến Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm, tập trung vào các nội dung như: lý luận hiện đại về tội phạm học, nguyên nhân và điều kiện của tội phạm, dự báo tình hình tội phạm, các mô hình phòng ngừa tội phạm, phương pháp nghiên cứu tội phạm học và các vấn đề thực tiễn trong đấu tranh phòng, chống tội phạm ở Việt Nam và quốc tế.

Sau khi hoàn thành các học phần, nghiên cứu sinh phải thực hiện và bảo vệ một tiểu luận tổng quan về đề tài nghiên cứu cùng ba chuyên đề tiến sĩ trước hội đồng đánh giá theo quy định của Học viện. Giai đoạn cuối, nghiên cứu sinh tiến hành nghiên cứu độc lập, công bố kết quả nghiên cứu khoa học và bảo vệ luận án tiến sĩ ở cấp cơ sở và cấp Học viện. Chương trình đào tạo hướng tới phát triển năng lực nghiên cứu độc lập, tư duy phân biện, khả năng dự báo và đề xuất các giải pháp khoa học, khả thi trong công tác phòng ngừa tội phạm và hoạch định chính sách bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

** Tham khảo, đối sánh về cấu trúc chương trình đào tạo và một số học phần phù hợp trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm hoặc khối ngành pháp luật của các cơ sở đào tạo luật nước ngoài:*

Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm của Trường Đại học Luật Hà Nội được xây dựng dựa trên sự tham khảo chương trình đào tạo tiến sĩ của cơ sở đào tạo ở nước ngoài như: Đại học Hữu nghị các Dân tộc Nga (Российский университет дружбы народов), Trường Đại học Toronto (Canada), Trường Đại học New South Wales (Úc), Trường Đại học Bang Arizona (Hoa Kỳ).

Theo quy định của Bộ Khoa học và Giáo dục Đại học Liên bang Nga, mã ngành đào tạo khoa học ngành luật có 14 mã ngành và được áp dụng chung cho tất cả các cơ sở giáo dục đại học trên toàn Liên bang Nga. Từ mã ngành 12001 đến mã ngành 120014; Mã ngành: Luật hình sự và tội phạm học; Luật hình sự - thi hành án hình sự (Уголовное право и криминология; уголовно-исполнительное право) là 120012; Trong mỗi mã ngành quy định các khối kiến thức cụ thể. Chương trình đào tạo được thống nhất từ cấp độ đào tạo cử nhân, chuyên gia, thạc sĩ và tiến sĩ. Trong đó, khối kiến thức bậc nghiên cứu sinh được quy định cụ thể và có định hướng cho người học nghiên cứu dựa trên chương trình của mã ngành; còn đối với khối kiến thức thạc sĩ, chuyên gia và cử nhân các cơ sở đào tạo có thể điều chỉnh

nhưng không làm thay đổi kiến thức và định hướng của mã ngành¹. Chương trình đào tạo tiến sĩ thuộc mã ngành 120012 (Luật hình sự và tội phạm học; Luật hình sự - thi hành án hình sự) được áp dụng tại Đại học Hữu nghị các Dân tộc Nga (Российский университет дружбы народов) sát với quy định của Bộ Khoa học và Giáo dục Đại học Liên bang Nga.

Từ việc nghiên cứu quy định của Bộ Khoa học và Giáo dục Đại học Liên bang Nga và việc áp dụng, thực hiện tại Đại học Hữu nghị các Dân tộc Nga; việc xây dựng chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm tham khảo được tiến trình và tên gọi các học phần bắt buộc và học phần tự chọn. Đặc biệt là khối kiến thức bắt buộc chuyên ngành. Các khối kiến thức có sự kết nối, logic, bảo đảm sự phát triển năng lực nghiên cứu của người học².

Chương trình tiến sĩ ngành Tội phạm học của Trường Đại học Toronto (Canada) được xây dựng theo hướng nghiên cứu chuyên sâu với hai lĩnh vực chính: tội phạm học và nghiên cứu pháp lý - xã hội. Theo quy định chương trình³, nghiên cứu sinh phải hoàn thành bốn học phần sau bậc thạc sĩ. Nghiên cứu sinh phải hoàn thành hai học phần bắt buộc là CRI 2010H Các vấn đề phương pháp luận trong tội phạm học và nghiên cứu pháp lý - xã hội (Methodological Issues in Criminology and Sociolegal Studies); và CRI 1020H Pháp luật và quyền lực nhà nước: các quan điểm lý thuyết. Bên cạnh hai học phần bắt buộc, chương trình có hệ thống học phần tự chọn rất đa dạng, liên quan trực tiếp đến định hướng nghiên cứu của ngành. Một số học phần tiêu biểu là CRI 2120H Phân tích dữ liệu; CRI 3110H Phương pháp nghiên cứu định tính; CRI 2140H Lỗi, trách nhiệm và khoa học pháp y; CRI 2150H Phòng ngừa kết án oan sai; CRI 3020H Tội phạm học và quy trình hoạch định chính sách; CRI 3130H Hoạt động cảnh sát; CRI 3220H Tội phạm có tổ chức và tham nhũng; CRI 3240H Hình phạt học; CRI 3355H Quyết định hình phạt; CRI 3356H Tội phạm và tư pháp người chưa thành niên.

Chương trình tiến sĩ ngành Tội phạm học và Tư pháp hình sự của Trường Đại học Bang Arizona (Hoa Kỳ) có khối kiến thức cốt lõi bắt buộc về phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật phân tích, lý thuyết tội phạm học và chính sách, thực tiễn của hệ thống tư pháp hình sự⁴. Tổng khối lượng chương trình là 84 tín chỉ, đã tính cả một bài thi viết tổng quát, đề cương luận án và luận án tiến sĩ. Nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ hoặc bằng JD có thể được công nhận tối đa 30 tín chỉ nhưng vẫn phải hoàn thành tối thiểu 54 tín chỉ ở bậc tiến sĩ. Cấu trúc chương trình được tổ chức thành sáu khối kiến thức, cụ thể:

- Khối kiến thức bắt buộc (12 tín chỉ): CRJ 601 Chuyên đề lý thuyết tội phạm học (3 tín chỉ); CRJ 602 Chuyên đề chính sách và thực tiễn tư pháp hình sự (3 tín chỉ); CRJ 603 Thiết kế nghiên cứu nâng cao (3 tín chỉ); CRJ 604 Mô hình hồi quy (3 tín chỉ).

- Khối kiến thức phát triển nghề nghiệp (3 tín chỉ): CRJ 617 Phát triển nghề nghiệp trong tội phạm học và tư pháp hình sự.

- Khối kiến thức tự chọn về lý thuyết/hệ thống (3 tín chỉ): Nghiên cứu sinh chọn một trong các học phần sau: CRJ 606 Các chủ đề nâng cao về lý thuyết tội phạm học; CRJ 607

¹ <https://teacode.com/online/vak/p12-00-08.html>

² <https://www.rudn.ru/education/educational-programs/40863>

³ https://www.crimsl.utoronto.ca/sites/www.crimsl.utoronto.ca/files/Graduate_Handbook2025_26.pdf

⁴ <https://degrees.apps.asu.edu/masters-phd/major/ASU00/PPCRJPHD/criminology-and-criminal-justice-phd>

Các chủ đề nâng cao về hoạt động cảnh sát; CRJ 608 Các chủ đề nâng cao về tòa án và quyết định hình phạt; CRJ 609 Các chủ đề nâng cao về thi hành án; CRJ 610 Các chủ đề nâng cao về tư pháp người chưa thành niên; CRJ 611 Các chủ đề nâng cao về tội phạm và nạn nhân hóa; CRJ 612 Các chủ đề nâng cao về chủng tộc, giới và hệ thống tư pháp hình sự.

- Khối kiến thức tự chọn về phương pháp nghiên cứu hoặc thống kê (3 tín chỉ): Nghiên cứu sinh chọn một trong các học phần sau: CRJ 510 Lập kế hoạch và đánh giá chương trình trong tư pháp hình sự; CRJ 531 Bản đồ tội phạm; CRJ 540 Phương pháp nghiên cứu định tính; CRJ 560 Các chủ đề về phương pháp nghiên cứu; CRJ 605 Các chủ đề về phương pháp định lượng.

- Khối kiến thức tự chọn (51 tín chỉ): Nghiên cứu sinh được tự lựa chọn các học phần ở bậc sau đại học phù hợp với định hướng nghiên cứu của mình; hoặc được Giám đốc Chương trình tiến sĩ phê duyệt các học phần về phương pháp hoặc thống kê do các chương trình sau đại học khác của Trường giảng dạy.

- Khối kết thúc chương trình (12 tín chỉ): CRJ 799 Luận án tiến sĩ.

Khác với chương trình học của Hoa Kỳ, Canada thiên về tích lũy học phần, chương trình tiến sĩ của Trường Đại học New South Wales được tổ chức theo mô hình nghiên cứu, với trọng tâm là nghiên cứu luận án. Tuy nhiên, trong chương trình đào tạo vẫn có các học phần bắt buộc về phương pháp luận như Đạo đức nghiên cứu (Research Ethics); Phương pháp nghiên cứu (Research Methods); Quản trị dữ liệu nghiên cứu (Data Management)⁵.

6. THÔNG TIN TUYỂN SINH

6.1. Điều kiện tuyển sinh

Thí sinh dự thi tuyển sinh vào chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành tội phạm học và phòng ngừa tội phạm là công dân Việt Nam hoặc người nước ngoài đáp ứng được các điều kiện sau:

1. Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên ngành đào tạo thuộc cùng nhóm ngành đào tạo trình độ tiến sĩ;

2. Có trình độ ngoại ngữ Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc trình độ tương đương) trở lên được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Phụ lục II của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo còn hiệu lực tính đến ngày đăng

⁵ <https://www.unsw.edu.au/law-justice/study/postgraduate-research/doctor-philosophy-phd>

ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.

Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố trên tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc tại hội nghị, hội thảo khoa học có phản biện; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;

4. Có dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.

6.2. Các đợt tuyển sinh:

Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Kế hoạch tuyển sinh của Trường.

6.3. Chỉ tiêu tuyển sinh: Được xác định theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và công khai trong Kế hoạch, Thông báo tuyển sinh hằng năm của Trường.

6.4. Phương thức tuyển sinh

Xét tuyển hoặc thi tuyển hoặc kết hợp xét tuyển và thi tuyển theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và công khai trong Kế hoạch, Thông báo tuyển sinh hằng năm của Trường.

6.5. Thời gian tuyển sinh:

Tuyển sinh nhiều đợt trong năm theo Thông báo tuyển sinh của Trường Đại học Luật Hà Nội.

7. CẤU TRÚC CỦA CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

7.1. Thông tin chung:

- Số tín chỉ:

+ **90 tín chỉ** đối với nghiên cứu sinh có đầu vào trình độ thạc sĩ;

+ **120 tín chỉ** đối với nghiên cứu sinh có đầu vào trình độ đại học, không qua đào tạo thạc sĩ.

- Thời gian đào tạo:

+ **03 năm** đối với nghiên cứu sinh có đầu vào trình độ thạc sĩ;

+ **04 năm** đối với nghiên cứu sinh có đầu vào trình độ đại học, không qua đào tạo thạc sĩ.

7.2. Cấu trúc Chương trình dạy học:

a) Các học phần bắt buộc và tự chọn ở trình độ tiến sĩ: **16 tín chỉ** (trong đó bao gồm **08 tín chỉ** các học phần bắt buộc; **08 tín chỉ** các học phần tự chọn).

Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm – Trường Đại học Luật Hà Nội

b) Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ: **74 tín chỉ**

* Nghiên cứu khoa học: **14 tín chỉ**.

- Tiểu luận tổng quan (04 tín chỉ); 02 chuyên đề tiến sĩ (mỗi chuyên đề 03 tín chỉ);

- Các sản phẩm nghiên cứu khoa học trong danh mục được Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước tính điểm, được công bố trong nước hoặc quốc tế trước khi nộp luận án để bảo vệ tại đơn vị chuyên môn: 02 tín chỉ

- Các sản phẩm nghiên cứu khoa học được quy đổi từ hoạt động tham gia hội thảo, tọa đàm, nói chuyện chuyên đề (từ cấp khoa trở lên) và các sản phẩm khác theo quy định của Trường: 02 tín chỉ

* Luận án tiến sĩ: **60 tín chỉ**

c) Các học phần bổ sung kiến thức (*áp dụng đối với nghiên cứu sinh có đầu vào trình độ đại học, không qua đào tạo thạc sĩ*): **30 tín chỉ**, trong đó bao gồm một số học phần bắt buộc và/hoặc một số học phần tự chọn trong chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu (không bao gồm luận văn thạc sĩ).

7.3. Bảng các học phần trong Chương trình dạy học

7.3.1. Các học phần bắt buộc và tự chọn ở trình độ tiến sĩ (08 tín chỉ bắt buộc, 08 tín chỉ tự chọn)

Số TT	Mã số học phần	Tên học phần	Khối lượng tín chỉ				
			Tổng số TC	Lý thuyết	Thảo luận	LVN	TNC
1	HPBB-TS-01	Phương pháp nghiên cứu luật học chuyên sâu	4	48	24	40	88
2	HPBB-TS-02	Học phần chuyên ngành 01: Những vấn đề chuyên sâu về tình hình, nguyên nhân và phòng ngừa tội phạm	4	48	24	40	88
3	HPTC-TS-01	Học phần chuyên ngành 02: Những vấn đề chuyên sâu về nhân thân người phạm tội và nạn nhân của tội phạm	4	48	24	40	88
4	HPTC-TS-02	Học phần chuyên ngành 03: Những vấn đề chuyên sâu về dự báo và kiểm soát tội phạm	4	48	24	40	88

Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm – Trường Đại học Luật Hà Nội

5	HPTC-TS-03	Học phần chuyên ngành 04: Những vấn đề chuyên sâu về phòng ngừa các nhóm tội, tội phạm cụ thể	4	48	24	40	88
---	------------	---	---	----	----	----	----

7.3.2. Các sản phẩm nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ

7.3.2.1. Các sản phẩm nghiên cứu khoa học (14 tín chỉ)

Số TT	Tên sản phẩm khoa học	Mã số	Số tín chỉ
1	Tiểu luận tổng quan	NCKH-01	4
2	Chuyên đề tiến sĩ 01	NCKH-02	3
3	Chuyên đề tiến sĩ 02	NCKH-03	3
4	Sản phẩm khoa học 01 (trong danh mục được HDGSNN tính điểm và đã được công bố)	NCKH-04	1
5	Sản phẩm khoa học 02 (trong danh mục được HDGSNN tính điểm và đã được công bố)	NCKH-05	1
6	Sản phẩm khoa học 03 (được quy đổi từ hoạt động tham gia Hội thảo khoa học, tọa đàm, nói chuyện chuyên đề và các sản phẩm khác) ⁶	NCKH-06	2

7.3.2.2. Luận án tiến sĩ (60 tín chỉ)

7.3.3. Các học phần bổ sung kiến thức áp dụng đối với nghiên cứu sinh có đầu vào trình độ đại học, không qua đào tạo thạc sĩ (30 tín chỉ)

Số TT	Mã số học phần bổ sung kiến thức	Tên học phần học bổ sung kiến thức	Khối lượng tín chỉ				
			Tổng số TC	Lý thuyết	Thảo luận	LVN	TNC
A	Các học phần bắt buộc và tự chọn thuộc khối kiến thức chung ở trình độ thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu (06 tín chỉ bắt buộc, 02 tín chỉ tự chọn)						

⁶ NCS phải tham gia ít nhất 08 hội thảo, tọa đàm, nói chuyện chuyên đề và viết thu hoạch để xác định điểm tích lũy học phần trong chương trình đào tạo;

Số TT	Mã số học phần bổ sung kiến thức	Tên học phần học bổ sung kiến thức	Khối lượng tín chỉ				
			Tổng số TC	Lý thuyết	Thảo luận	LVN	TNC
1	HPBS-KTC-BB01	Triết học ⁷	4	42	36	42	80
2	HPBS-KTC-BB02	Quản trị, quản lý	2	24	12	24	40
3	HPBS-KTC-TC01	Xã hội học pháp luật	2	24	12	24	40
4	HPBS-KTC-TC02	Kinh tế học pháp luật	2	24	12	24	40
5	HPBS-KTC-TC03	Kỹ năng đàm phán	2	24	12	24	40
B	Các học phần bắt buộc và tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành ở trình độ thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu (02 tín chỉ bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, 04 tín chỉ tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành; 08 tín chỉ bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành, 08 tín chỉ tự chọn thuộc kiến thức ngành)						
1	HPBS-KTCS-BB01	Chính sách hình sự	2	24	12	24	40
2	HPBS-KTCS-TC01	Pháp luật hình sự các nước EU	2	24	12	24	40
3	HPBS-KTCS-TC02	Các cơ quan bảo vệ pháp luật	2	24	12	24	40
4	HPBS-KTCS-TC03	Tội phạm học so sánh	2	24	12	24	40
5	HPBS-KTN-BB01	Tình hình tội phạm	2	24	12	24	40
6	HPBS-KTN-BB02	Nhân thân người phạm tội	2	24	12	24	40

⁷ Học phần Triết học được giảng dạy theo quy định chung về chương trình môn triết học trình độ thạc sĩ, tiến sĩ dành cho các Trường không chuyên thuộc khối khoa học xã hội và nhân văn (ban hành kèm theo Thông tư số 08/2013/TT-BGDĐT ngày 08/3/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Số TT	Mã số học phần bổ sung kiến thức	Tên học phần học bổ sung kiến thức	Khối lượng tín chỉ				
			Tổng số TC	Lý thuyết	Thảo luận	LVN	TNC
7	HPBS-KTN-BB03	Nguyên nhân của tội phạm	2	24	12	24	40
8	HPBS-KTN-BB04	Phòng ngừa tội phạm	2	24	12	24	40
9	HPBS-KTN-TC01	Phòng ngừa các tội phạm tham nhũng	2	24	12	24	40
10	HPBS-KTN-TC02	Phòng ngừa các tội phạm về ma túy	2	24	12	24	40
11	HPBS-KTN-TC03	Phòng ngừa tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện	2	24	12	24	40
12	HPBS-KTN-TC04	Phòng ngừa các tội xâm phạm nhân thân	2	24	12	24	40
13	HPBS-KTN-TC05	Phòng ngừa các tội xâm phạm sở hữu	2	24	12	24	40
14	HPBS-KTN-TC06	Phòng ngừa các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế	2	24	12	24	40

8. ĐIỀU KIỆN CÔNG NHẬN TRÌNH ĐỘ VÀ CẤP BẰNG TIẾN SĨ

- Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ luận án tiến sĩ đạt yêu cầu;

- Hoàn thành các nghĩa vụ của người học theo quy định Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

9. TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO:

9.1. Đối với nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ: Thời gian đào tạo tiêu chuẩn 3 năm

Năm học	Nội dung học tập, nghiên cứu	Số tín chỉ	Kết quả dự kiến
Năm thứ nhất	Học và kiểm tra đánh giá học phần bắt buộc ở trình độ tiến sĩ	8 tín chỉ	Bảng điểm học phần

Năm học	Nội dung học tập, nghiên cứu	Số tín chỉ	Kết quả dự kiến
	Học và kiểm tra đánh giá các học phần tự chọn ở trình độ tiến sĩ	8 tín chỉ	Bảng điểm học phần
	Đánh giá Đề cương luận án tiến sĩ		Đề cương luận án
	Tham gia sinh hoạt chuyên môn tại khoa chuyên môn phụ trách ngành đào tạo		Xác nhận của khoa chuyên môn
	Đánh giá Tiểu luận tổng quan	4 tín chỉ	Tiểu luận tổng quan
	Sản phẩm khoa học 01 (trong danh mục được HDGSNN tính điểm và đã được công bố)	1 tín chỉ	Bài tạp chí, báo cáo khoa học, ... trong danh mục theo quy định
	Sản phẩm khoa học 03 (được quy đổi từ hoạt động tham gia 04 hội thảo khoa học, tọa đàm, nói chuyện chuyên đề từ cấp khoa trở lên)	1 tín chỉ	Bài thu hoạch, xác nhận của Ban tổ chức
Năm thứ hai	Đánh giá Chuyên đề tiến sĩ thứ nhất	3 tín chỉ	Chuyên đề tiến sĩ thứ nhất
	Tham gia sinh hoạt chuyên môn tại khoa chuyên môn phụ trách ngành đào tạo		Xác nhận của khoa chuyên môn
	Đánh giá Chuyên đề tiến sĩ thứ hai	3 tín chỉ	Chuyên đề tiến sĩ thứ hai
	Sản phẩm khoa học 02 (trong danh mục được HDGSNN tính điểm và đã được công bố)	1 tín chỉ	Bài tạp chí, báo cáo khoa học, ... trong danh mục theo quy định
	Sản phẩm khoa học 03 (được quy đổi từ hoạt động tham gia 04 hội thảo khoa học, tọa đàm, nói chuyện chuyên đề từ cấp khoa trở lên)	1 tín chỉ	Bài thu hoạch, xác nhận của Ban tổ chức
Năm thứ ba	Tham gia sinh hoạt chuyên môn tại khoa chuyên môn phụ trách ngành đào tạo		Xác nhận của khoa chuyên môn
	Hoàn thành Luận án tiến sĩ và bảo vệ các cấp	60 tín chỉ	Luận án

9.2. Đối với nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ: Thời gian đào tạo tiêu chuẩn 4 năm

Năm học	Nội dung học tập, nghiên cứu	Số tín chỉ	Kết quả dự kiến
Năm thứ nhất	Học và kiểm tra đánh giá học phần bắt buộc ở trình độ tiến sĩ	8 tín chỉ	Bảng điểm học phần
	Học và kiểm tra đánh giá học phần tự chọn ở trình độ tiến sĩ	8 tín chỉ	Bảng điểm học phần
	Đánh giá Đề cương luận án tiến sĩ		Đề cương luận án
	Tham gia sinh hoạt chuyên môn tại khoa chuyên môn phụ trách ngành đào tạo		Xác nhận của khoa chuyên môn
	Đánh giá Tiểu luận tổng quan	4 tín chỉ	Tiểu luận tổng quan
	Sản phẩm khoa học 03 (được quy đổi từ hoạt động tham gia 04 Hội thảo khoa học, tọa đàm, nói chuyện chuyên đề từ cấp khoa trở lên)	1 tín chỉ	Bài thu hoạch, Xác nhận của Ban tổ chức
Năm thứ hai	Các học phần bổ sung kiến thức	30 tín chỉ	Bảng điểm học phần
	Sản phẩm khoa học 01 (trong danh mục được HĐGSNN tính điểm và đã được công bố)	1 tín chỉ	Bài tạp chí, báo cáo khoa học, ... trong danh mục theo quy định
	Tham gia sinh hoạt chuyên môn tại khoa chuyên môn phụ trách ngành đào tạo		Xác nhận của khoa chuyên môn
	Đánh giá Chuyên đề tiến sĩ thứ nhất	3 tín chỉ	Chuyên đề tiến sĩ thứ nhất
	Sản phẩm khoa học 03 (được quy đổi từ hoạt động tham gia 04 hội thảo khoa học, tọa đàm, nói chuyện chuyên đề từ cấp khoa trở lên)	1 tín chỉ	Bài thu hoạch, xác nhận của Ban tổ chức
Năm thứ ba	Đánh giá Chuyên đề tiến sĩ thứ hai	3 tín chỉ	Chuyên đề tiến sĩ thứ hai
	Tham gia sinh hoạt chuyên môn tại khoa chuyên môn phụ trách ngành đào tạo		Xác nhận của khoa chuyên môn
	Sản phẩm khoa học 02 (trong danh mục được HĐGSNN tính điểm và đã được công bố)	1 tín chỉ	Bài tạp chí, báo cáo khoa học, ... trong danh mục theo quy định

Năm học	Nội dung học tập, nghiên cứu	Số tín chỉ	Kết quả dự kiến
	Sản phẩm khoa học 03 (được quy đổi từ hoạt động tham gia 04 Hội thảo khoa học, tọa đàm, nói chuyện chuyên đề từ cấp khoa trở lên)	1 tín chỉ	Bài thu hoạch, xác nhận của Ban tổ chức
Năm thứ tư	Tham gia sinh hoạt chuyên môn tại khoa chuyên môn phụ trách ngành đào tạo		Xác nhận của khoa chuyên môn
	Hoàn thành Luận án tiến sĩ và bảo vệ các cấp	60 tín chỉ	Luận án

10. MA TRẬN THỂ HIỆN SỰ ĐÓNG GÓP CỦA CÁC HỌC PHẦN VÀO VIỆC ĐÁP ỨNG CHUẨN ĐẦU RA

Stt	HỌC PHẦN	KIẾN THỨC			KỸ NĂNG				NL TỰ CHỦ			
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11
1.	Phương pháp nghiên cứu luật học chuyên sâu			x	x	x	x	x	x	x	x	
2.	Học phần chuyên ngành 01: Những vấn đề chuyên sâu về tình hình, nguyên nhân và phòng ngừa tội phạm	x	x	x			x	x		x	x	
3.	Học phần chuyên ngành 02: Những vấn đề chuyên sâu về nhân thân người phạm tội và nạn nhân của tội phạm	x	x	x			x	x				x
4.	Học phần chuyên ngành 03: Những vấn đề chuyên sâu về dự báo và kiểm soát tội phạm	x	x	x			x	x		x	x	x
5.	Học phần chuyên ngành 04: Những vấn đề chuyên sâu về phòng ngừa các nhóm tội, tội phạm cụ thể	x	x	x			x	x		x	x	x

Stt	HỌC PHẦN	KIẾN THỨC			KỸ NĂNG				NL TỰ CHỦ			
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11
6.	Tiểu luận tổng quan	x	x	x		x	x	x		x	x	x
7.	Chuyên đề tiến sĩ 01	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
8.	Chuyên đề tiến sĩ 02	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
9.	Sản phẩm khoa học 01 (trong danh mục được HĐGSNN tính điểm và đã được công bố)		x	x		x	x	x	x	x	x	x
10.	Sản phẩm khoa học 02 (trong danh mục được HĐGSNN tính điểm và đã được công bố)		x	x		x	x	x	x	x	x	x
11.	Sản phẩm khoa học 03 (được quy đổi từ hoạt động tham gia Hội thảo khoa học, tọa đàm, nói chuyện chuyên đề và các sản phẩm khác)		x	x		x	x	x	x	x	x	x
12.	Luận án tiến sĩ	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Các học phần bổ sung kiến thức áp dụng đối với nghiên cứu sinh có đầu vào trình độ đại học, không qua đào tạo thạc sĩ												
13.	Triết học	x										x
14.	Quản trị, quản lý			x								x
15.	Xã hội học pháp luật				x							x
16.	Kinh tế học pháp luật	x										
17.	Kỹ năng đàm phán						x					x
18.	Chính sách hình sự	x	x					x		x	x	
19.	Pháp luật hình sự các nước EU	x	x			x	x					x
20.	Các cơ quan bảo vệ pháp luật	x	x					x		x	x	x

Stt	HỌC PHẦN	KIẾN THỨC			KỸ NĂNG				NL TỰ CHỦ			
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11
21.	Tội phạm học so sánh	x	x					x		x	x	x
22.	Tình hình tội phạm	x	x				x	x		x	x	x
23.	Nhân thân người phạm tội	x	x			x	x					x
24.	Nguyên nhân của tội phạm	x	x					x		x	x	x
25.	Phòng ngừa tội phạm	x	x					x		x	x	x
26.	Phòng ngừa các tội phạm tham nhũng	x	x				x	x		x	x	x
27.	Phòng ngừa các tội phạm về ma túy	x	x	x		x	x					x
28.	Phòng ngừa tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện	x	x					x		x	x	x
29.	Phòng ngừa các tội xâm phạm nhân thân	x	x					x		x	x	x
30.	Phòng ngừa các tội xâm phạm sở hữu	x	x				x	x		x	x	x
31.	Phòng ngừa các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế	x	x	x		x	x					x

11. MA TRẬN CÁC PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

TT	HỌC PHẦN	LÝ THUYẾT				SEMINAR						THỰC HÀNH/TỰ HỌC			
		Thuyết giảng	Tình huống	Nêu vấn đề	Thảo luận	Thuyết giảng	Diễn án-Đóng vai	Tranh biện	Thảo luận	LV nhóm	Tình huống	Kiến tập	Đề án	Tình huống	NC tài liệu
1.	Phương pháp nghiên cứu luật học chuyên sâu	x		x	x				x				x		x
2.	Học phần chuyên ngành 01: Những vấn đề chuyên sâu về tình hình, nguyên nhân và phòng ngừa tội phạm	x	x	x	x				x	x	x			x	x
3.	Học phần chuyên ngành 02: Những vấn đề chuyên sâu về nhân thân người phạm tội và nạn nhân của tội phạm	x	x	x	x				x	x	x			x	x
4.	Học phần chuyên ngành 03: Những vấn đề chuyên sâu về dự báo và kiểm soát tội phạm	x	x	x	x				x	x	x			x	x
5.	Học phần chuyên ngành 04: Những vấn đề chuyên sâu về phòng ngừa các nhóm tội, tội phạm cụ thể	x	x	x	x				x	x	x			x	x

TT	HỌC PHẦN	LÝ THUYẾT				SEMINAR						THỰC HÀNH/TỰ HỌC			
		Thuyết giảng	Tình huống	Nêu vấn đề	Thảo luận	Thuyết giảng	Diễn án-Đóng vai	Tranh biện	Thảo luận	LV nhóm	Tình huống	Kiến tập	Đề án	Tình huống	NC tài liệu
6.	Tiểu luận tổng quan														x
7.	Chuyên đề tiến sĩ 01														x
8.	Chuyên đề tiến sĩ 02														x
9.	Sản phẩm khoa học 01 (trong danh mục được HDGSNN tính điểm và đã được công bố)														x
10.	Sản phẩm khoa học 02 (trong danh mục được HDGSNN tính điểm và đã được công bố)														x
11.	Sản phẩm khoa học 03 (được quy đổi từ hoạt động tham gia Hội thảo khoa học, tọa đàm, nói chuyện chuyên đề và các sản phẩm khác)								x						x
12.	Luận án tiến sĩ														x
Các học phần bổ sung kiến thức áp dụng đối với nghiên cứu sinh có đầu vào trình độ đại học, không qua đào tạo thạc sĩ															
13.	Triết học	x		x	x	x			x						x

TT	HỌC PHẦN	LÝ THUYẾT				SEMINAR						THỰC HÀNH/TỰ HỌC			
		Thuyết giảng	Tình huống	Nêu vấn đề	Thảo luận	Thuyết giảng	Diễn án-Đóng vai	Tranh biện	Thảo luận	LV nhóm	Tình huống	Kiến tập	Đề án	Tình huống	NC tài liệu
14.	Quản trị, quản lý	x	x	x	x	x			x		x			x	x
15.	Xã hội học pháp luật	x		x	x	x			x						x
16.	Kinh tế học pháp luật	x	x	x	x	x			x		x			x	x
17.	Kỹ năng đàm phán	x	x	x	x	x	x	x	x		x			x	x
18.	Chính sách hình sự	x		x	x				x	x					x
19.	Pháp luật hình sự các nước EU	x			x				x	x	x				x
20.	Các cơ quan bảo vệ pháp luật	x		x	x				x	x					x
21.	Tội phạm học so sánh	x	x	x	x				x	x	x				x
22.	Tình hình tội phạm	x	x	x	x				x	x	x				x
23.	Nhân thân người phạm tội	x	x	x	x				x	x	x				x
24.	Nguyên nhân của tội phạm	x	x	x	x				x	x	x				x
25.	Phòng ngừa tội phạm	x	x	x	x				x	x	x				x
26.	Phòng ngừa các tội phạm tham nhũng	x	x	x	x				x	x	x				x

TT	HỌC PHẦN	LÝ THUYẾT				SEMINAR						THỰC HÀNH/TỰ HỌC			
		Thuyết giảng	Tình huống	Nêu vấn đề	Thảo luận	Thuyết giảng	Diễn án-Đóng vai	Tranh biện	Thảo luận	LV nhóm	Tình huống	Kiến tập	Đề án	Tình huống	NC tài liệu
27.	Phòng ngừa các tội phạm về ma túy	x	x	x	x				x	x	x				x
28.	Phòng ngừa tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện	x	x	x	x				x	x	x				x
29.	Phòng ngừa các tội xâm phạm nhân thân	x	x	x	x				x	x	x				x
30.	Phòng ngừa các tội xâm phạm sở hữu	x	x	x	x				x	x	x				x
31.	Phòng ngừa các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế	x	x	x	x				x	x	x				x

12. MA TRẬN CÁC PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC

TT	HỌC PHẦN	KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN			ĐÁNH GIÁ KẾT THÚC HỌC PHẦN				
		Kiểm tra giữa HP	Tiểu luận	Bài tập nhóm	Tự luận	Vấn đáp	Bài thu hoạch	Tiểu luận Luận án	Bài tập chí
1.	Phương pháp nghiên cứu luật học chuyên sâu	x						x	
2.	Học phần chuyên ngành 01: Những vấn đề chuyên sâu về tình hình, nguyên nhân và phòng ngừa tội phạm	x						x	
3.	Học phần chuyên ngành 02: Những vấn đề chuyên sâu về nhân thân người phạm tội và nạn nhân của tội phạm	x						x	
4.	Học phần chuyên ngành 03: Những vấn đề chuyên sâu về dự báo và kiểm soát tội phạm	x						x	
5.	Học phần chuyên ngành 04: Những vấn đề chuyên sâu về phòng ngừa các nhóm tội, tội phạm cụ thể	x						x	
6.	Tiểu luận tổng quan							x	
7.	Chuyên đề tiến sĩ 01							x	
8.	Chuyên đề tiến sĩ 02							x	
9.	Sản phẩm khoa học 01 (trong danh mục được HDGSNN tính điểm và đã được công bố)								x
10.	Sản phẩm khoa học 02 (trong danh mục được HDGSNN								x

TT	HỌC PHẦN	KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN			ĐÁNH GIÁ KẾT THÚC HỌC PHẦN				
		Kiểm tra giữa HP	Tiểu luận	Bài tập nhóm	Tự luận	Vấn đáp	Bài thu hoạch	Tiểu luận Luận án	Bài tạp chí
	tính điểm và đã được công bố)								
11.	Sản phẩm khoa học 03 (được quy đổi từ hoạt động tham gia Hội thảo khoa học, tọa đàm, nói chuyện chuyên đề và các sản phẩm khác)						x		
12.	Luận án tiến sĩ							x	
Các học phần bắt buộc và tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành ở trình độ thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu									
13.	Triết học		x	x	x				
14.	Quản trị, quản lý	x						x	
15.	Xã hội học pháp luật	x						x	
16.	Kinh tế học pháp luật	x						x	
17.	Kỹ năng đàm phán	x						x	
18.	Chính sách hình sự	x						x	
19.	Pháp luật hình sự các nước EU	x						x	
20.	Các cơ quan bảo vệ pháp luật	x						x	
21.	Tội phạm học so sánh	x						x	
22.	Tình hình tội phạm	x			x				
23.	Nhân thân người phạm tội	x			x				
24.	Nguyên nhân của tội phạm	x			x				
25.	Phòng ngừa tội phạm	x			x				

TT	HỌC PHẦN	KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN			ĐÁNH GIÁ KẾT THÚC HỌC PHẦN				
		Kiểm tra giữa HP	Tiểu luận	Bài tập nhóm	Tự luận	Vấn đáp	Bài thu hoạch	Tiểu luận Luận án	Bài tạp chí
26.	Phòng ngừa các tội phạm tham nhũng	x						x	
27.	Phòng ngừa các tội phạm về ma túy	x						x	
28.	Phòng ngừa tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện	x						x	
29.	Phòng ngừa các tội xâm phạm nhân thân	x						x	
30.	Phòng ngừa các tội xâm phạm sở hữu	x						x	
31.	Phòng ngừa các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế	x						x	

13. GIỚI THIỆU CÁC HỌC PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

- Phương pháp nghiên cứu luật học chuyên sâu:** Học phần trang bị cho người học những vấn đề lý luận về khoa học và nghiên cứu khoa học, phương pháp nghiên cứu luật học và các kỹ năng nghiên cứu và viết pháp lý nâng cao bao gồm kỹ năng lựa chọn đề tài nghiên cứu và tìm kiếm thông tin; kỹ năng nghiên cứu tài liệu tham khảo và xây dựng đề cương nghiên cứu, kế hoạch nghiên cứu; kỹ năng viết học thuật và bảo vệ kết quả nghiên cứu; ; kỹ năng khai thác cơ sở dữ liệu học thuật/pháp lý quốc tế, quản trị dữ liệu, ứng dụng AI, bảo đảm liên chính học thuật trong môi trường số.
- Học phần chuyên ngành 01: Những vấn đề chuyên sâu về tình hình, nguyên nhân và phòng ngừa tội phạm**

Học phần “Những vấn đề chuyên sâu về tình hình, nguyên nhân và phòng ngừa tội phạm” ở trình độ tiến sĩ chuyên ngành Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm thuộc ngành Luật được thiết kế nhằm trang bị cho nghiên cứu sinh nền tảng lý luận và phương pháp luận nâng cao để phân tích một cách hệ thống, đa chiều về tội phạm trong bối cảnh đương đại. Trọng tâm của học phần là tiếp cận tình hình tội phạm như một hiện tượng xã hội – pháp lý phức hợp, được nhận diện thông qua các dữ liệu chính thức và phi chính thức, từ đó làm rõ các xu hướng biến đổi mang tính cấu trúc như sự gia tăng của tội phạm. Trên phương diện nguyên nhân, học phần đi sâu phân tích các khung lý thuyết tội phạm học đương đại theo hướng tích

hợp để luận giải cơ chế hình thành hành vi phạm tội trong những bối cảnh cụ thể. Trên cơ sở đó, học phần phát triển tư duy chiến lược về phòng ngừa tội phạm theo cách tiếp cận tích hợp giữa phòng ngừa xã hội, phòng ngừa nghiệp vụ và phòng ngừa tình huống, gắn với phân tích chính sách hình sự, vai trò của các chủ thể hệ thống tư pháp hình sự và ngoài hệ thống. Bên cạnh đó, học phần yêu cầu nghiên cứu sinh vận dụng thành thạo các phương pháp nghiên cứu định tính, định lượng và hỗn hợp trong tội phạm học qua đó hình thành năng lực độc lập trong việc phát hiện vấn đề, phát triển giả thuyết và đóng góp tri thức mới cho lĩnh vực nghiên cứu về nguyên nhân và phòng ngừa tội phạm trong bối cảnh mới.

3. Học phần chuyên ngành 02: Những vấn đề chuyên sâu về nhân thân người phạm tội và nạn nhân của tội phạm

Học phần “Những vấn đề chuyên sâu về nhân thân người phạm tội và nạn nhân của tội phạm” tập trung phân tích nhân thân người phạm tội trong mối quan hệ tương tác với môi trường, trên cơ sở vận dụng các lý thuyết tội phạm học hiện đại như học tập xã hội, kiểm soát xã hội... để lý giải cơ chế hình thành, thực hiện và tái phạm hành vi phạm tội. Đồng thời, học phần tiếp cận nạn nhân học theo hướng tích hợp, làm rõ đặc điểm, vai trò của nạn nhân, cũng như mối quan hệ tương tác giữa nạn nhân và người phạm tội thông qua các mô hình như lối sống – tiếp xúc và hoạt động thường nhật. Trên cơ sở đó, học phần định hướng các chiến lược phòng ngừa gắn với quản lý nhân thân, giảm thiểu nguy cơ nạn nhân hóa và nâng cao hiệu quả phòng ngừa.

4. Học phần chuyên ngành 03: Những vấn đề chuyên sâu về dự báo và kiểm soát tội phạm

Học phần “Những vấn đề chuyên sâu về dự báo và kiểm soát tội phạm” tập trung nghiên cứu cơ sở lý luận và phương pháp luận hiện đại trong dự báo tội phạm như một công cụ khoa học phục vụ hoạch định chính sách hình sự, đặc biệt liên quan trực tiếp đến chính sách phòng ngừa tội phạm. Nội dung học phần làm rõ các mô hình dự báo định tính và định lượng, bao gồm phân tích xu hướng, mô hình hóa thống kê, dự báo dựa trên dữ liệu lớn và các tiếp cận liên ngành, qua đó nhận diện quy luật vận động, các yếu tố rủi ro của tội phạm trong bối cảnh biến đổi xã hội. Trên cơ sở dự báo, học phần đi sâu vào cơ chế kiểm soát tội phạm theo cách tiếp cận hệ thống kết hợp giữa kiểm soát chính thức (hệ thống tư pháp hình sự) và kiểm soát phi chính thức (gia đình, cộng đồng, thiết chế xã hội), đồng thời vận dụng các lý thuyết như kiểm soát xã hội, hoạt động thường nhật và phòng ngừa tình huống để thiết kế các chiến lược can thiệp hiệu quả. Học phần cũng nhấn mạnh đề xuất giải pháp kiểm soát tội phạm mang tính khoa học và thực tiễn.

5. Học phần chuyên ngành 04: Những vấn đề chuyên sâu về phòng ngừa các nhóm tội, tội phạm cụ thể

Học phần “Những vấn đề chuyên sâu về phòng ngừa các nhóm tội, tội phạm cụ thể” tập trung phân tích chuyên sâu đặc điểm tội phạm học – hình sự của từng nhóm tội điển hình (như tội phạm xâm phạm nhân thân, tội phạm về tham nhũng, tội phạm về ma túy, tội phạm công nghệ cao...), trên cơ sở làm rõ cơ chế phát sinh, hành vi và các yếu tố nguy cơ đặc thù trong

từng lĩnh vực. Từ cách tiếp cận chuyên biệt hóa, học phần vận dụng các lý thuyết tội phạm học hiện đại và tiếp cận dựa trên bằng chứng để thiết kế các biện pháp phòng ngừa phù hợp với từng nhóm tội, kết hợp giữa phòng ngừa xã hội, phòng ngừa tình huống và phòng ngừa nghiệp vụ. Học phần đề xuất chính sách phòng ngừa tội phạm chuyên sâu, có tính khả thi và thích ứng với bối cảnh tội phạm hiện đại.

6. **Tiểu luận tổng quan:** Học phần nhằm trang bị cho nghiên cứu sinh phương pháp và kỹ năng tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án. Nội dung học phần tập trung vào việc hệ thống hóa các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan trực tiếp đến đề tài; phân tích, đánh giá các kết quả đạt được về lý luận và thực tiễn, các quan điểm khoa học, cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu đã được sử dụng. Trên cơ sở đó, nghiên cứu sinh xác định những khoảng trống nghiên cứu, những vấn đề còn tồn tại hoặc chưa được giải quyết triệt để, làm căn cứ để xác định rõ các vấn đề nghiên cứu của luận án. Học phần đồng thời yêu cầu nghiên cứu sinh xây dựng câu hỏi nghiên cứu, xác định hướng tiếp cận, đề xuất giả thuyết và dự kiến kết quả nghiên cứu của luận án, qua đó hình thành nền tảng học thuật và định hướng nghiên cứu cho toàn bộ quá trình thực hiện luận án tiến sĩ.
7. **Chuyên đề tiến sĩ 01:** Học phần nhằm trang bị cho nghiên cứu sinh kiến thức chuyên sâu và cập nhật trong lĩnh vực nghiên cứu của luận án, thông qua việc nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn chuyên ngành ở trình độ cao. Nội dung học phần tập trung vào việc lựa chọn, phân tích và thảo luận các chuyên đề khoa học gắn trực tiếp với hướng nghiên cứu của nghiên cứu sinh; đồng thời rèn luyện năng lực nghiên cứu độc lập, tư duy phản biện, kỹ năng trình bày và trao đổi học thuật. Kết thúc học phần, nghiên cứu sinh phải xây dựng và bảo vệ chuyên đề nghiên cứu 1, qua đó góp phần hoàn thiện cơ sở lý luận và định hướng nội dung cho luận án tiến sĩ.
8. **Chuyên đề tiến sĩ 02:** Tiếp nối học phần chuyên đề tiến sĩ 1, học phần nhằm trang bị cho nghiên cứu sinh kiến thức chuyên sâu và cập nhật trong lĩnh vực nghiên cứu của luận án, thông qua việc nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn chuyên ngành ở trình độ cao. Kết thúc học phần, nghiên cứu sinh phải xây dựng và bảo vệ chuyên đề nghiên cứu 2, qua đó góp phần hoàn thiện cơ sở lý luận và định hướng nội dung cho luận án tiến sĩ.
9. **Sản phẩm khoa học 01:** Học phần yêu cầu nghiên cứu sinh xây dựng và công bố ít nhất một công trình khoa học thuộc danh mục được Hội đồng Giáo sư Nhà nước tính điểm từ 0,75 trở lên. Nội dung học phần tập trung vào việc hoàn thiện bài viết khoa học gắn với hướng nghiên cứu của luận án, bảo đảm chất lượng học thuật, phương pháp nghiên cứu và chuẩn mực trích dẫn; đồng thời rèn luyện kỹ năng công bố quốc tế và trong nước. Kết quả học phần được xác nhận khi công trình khoa học đã được công bố hợp lệ theo quy định hiện hành.
10. **Sản phẩm khoa học 02:** Tiếp nối sản phẩm khoa học 01, học phần yêu cầu nghiên cứu sinh xây dựng và công bố ít nhất một công trình khoa học thuộc danh mục được Hội đồng Giáo

sư Nhà nước tính điểm từ 0,75 trở lên. Kết quả học phần được xác nhận khi công trình khoa học đã được công bố hợp lệ theo quy định hiện hành.

11. **Sản phẩm khoa học 03:** Học phần yêu cầu nghiên cứu sinh tham gia các hoạt động học thuật như hội thảo khoa học, tọa đàm, nói chuyện chuyên đề hoặc các hoạt động chuyên môn khác có liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu; các kết quả này được quy đổi thành sản phẩm khoa học theo quy định. Nội dung học phần nhằm rèn luyện kỹ năng trình bày, trao đổi học thuật, mở rộng mạng lưới nghiên cứu và tiếp cận các vấn đề khoa học mới. Kết quả học phần được công nhận trên cơ sở minh chứng hợp lệ về việc tham gia và đóng góp học thuật của nghiên cứu sinh.
12. **Luận án tiến sĩ:** Học phần là nội dung cốt lõi của chương trình đào tạo tiến sĩ, trong đó nghiên cứu sinh thực hiện đề tài nghiên cứu độc lập dưới sự hướng dẫn của người hướng dẫn khoa học. Nội dung học phần bao gồm xây dựng đề cương, triển khai nghiên cứu, thu thập và xử lý dữ liệu, phân tích và hoàn thiện luận án theo chuẩn mực khoa học. Học phần nhằm phát triển năng lực nghiên cứu chuyên sâu, tư duy độc lập và khả năng đóng góp tri thức mới cho lĩnh vực nghiên cứu. Kết quả học phần được đánh giá thông qua việc hoàn thành và bảo vệ thành công luận án tiến sĩ theo quy định.

Các học phần bổ sung kiến thức áp dụng đối với nghiên cứu sinh có đầu vào trình độ đại học, không qua đào tạo thạc sĩ

13. **Triết học:** Học phần cung cấp các kiến thức tổng quan về triết học và lịch sử triết học; các nội dung cơ bản thuộc về thế giới quan và phương pháp luận chung của nhận thức và thực tiễn (Bản thể luận, Phép biện chứng, Nhận thức luận); các nội dung lý luận triết học về xã hội và con người (Học thuyết hình thái kinh tế-xã hội, Triết học chính trị, Ý thức xã hội, Triết học về con người) qua đó giúp người học vận dụng tri thức triết học vào việc phân tích, đánh giá, làm sáng tỏ bản chất của các vấn đề, sự kiện, hiện tượng đang xảy ra trong nhận thức và hoạt động thực tiễn
14. **Quản trị, quản lý:** Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quản trị, quản lý. Trong đó, học phần sẽ tập trung nghiên cứu tổng quan về quản trị, quản lý; các lý thuyết cơ bản về quản trị; quản trị, quản lý trong lĩnh vực công, tư (doanh nghiệp) và các hoạt động trong ngành Luật.
15. **Kinh tế học pháp luật:** Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về kinh tế học pháp luật với tư cách là một trường phái mới về lý luận pháp luật đương đại, trong đó nội dung cốt lõi là nghiên cứu sử dụng lý thuyết kinh tế học để xem xét, đánh giá tính hiệu quả của hệ thống pháp luật nói chung, thông qua việc xem xét mối quan hệ giữa kinh tế học với một số chế định pháp luật cơ bản như chế định pháp luật về quyền sở hữu; chế định pháp luật về hợp đồng; chế định pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hại; chế định pháp luật về tội phạm và hình phạt...

- 16. Xã hội học pháp luật:** Xã hội học pháp luật là lĩnh vực khoa học liên ngành giữa Xã hội học và Luật học, nghiên cứu các quá trình phát sinh, tồn tại của pháp luật trong xã hội, trong mối liên hệ giữa pháp luật với các chuẩn mực xã hội, các khía cạnh xã hội của hoạt động xây dựng pháp luật và thực hiện pháp luật. Học phần Xã hội học pháp luật trang bị cho người học cách tiếp cận xã hội học đối với các sự kiện pháp luật xảy ra trong đời sống xã hội thông qua việc áp dụng phương pháp điều tra xã hội học làm sáng tỏ nguồn gốc, nguyên nhân, bản chất của chúng.
- 17. Kỹ năng đàm phán:** Học phần cung cấp những kiến thức và kỹ năng cần thiết về đàm phán nói chung bao gồm những kiến thức tổng quan về đàm phán và các kỹ năng chuẩn bị đàm phán, các kỹ năng tiến hành đàm phán để giúp người học có hiểu biết về đàm phán, biết vận dụng những kỹ năng trong đàm phán để có thể nâng cao hiệu quả đàm phán trong mọi tình huống cuộc sống và công việc nghề luật.
- 18. Chính sách hình sự:** Học phần cung cấp cho người học những kiến thức lý luận và kiến thức thực tiễn về chính sách hình sự, các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng chính sách hình sự. Trên cơ sở đó người học có thể vận dụng kiến thức tập trung nghiên cứu chuyên sâu về chính sách của Nhà nước đối với việc đấu tranh phòng, chống tội phạm bằng biện pháp pháp luật hình sự nhằm đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.
- 19. Pháp luật hình sự các nước EU:** Học phần cung cấp cho người học kiến thức về tội phạm và trách nhiệm hình sự theo pháp luật các quốc gia EU, trên cơ sở đó, người học có thể so sánh với các quy định tương ứng của pháp luật hình sự Việt Nam, đưa ra đánh giá và đề xuất liên quan về hoàn thiện và áp dụng pháp luật hình sự.
- 20. Các cơ quan bảo vệ pháp luật:** Học phần cung cấp cho người học kiến thức lý luận về pháp luật, hoạt động của các cơ quan bảo vệ pháp luật; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan này và các hệ thống văn bản qui phạm pháp luật về các cơ quan bảo vệ pháp luật làm cơ sở khoa học để nghiên cứu chuyên sâu các lĩnh vực của khoa học luật.
- 21. Tội phạm học so sánh:** Học phần cung cấp kiến thức lý luận cơ bản của tội phạm học so sánh, làm cơ sở và định hướng cho nghiên cứu tội phạm học so sánh phục vụ cho phòng ngừa tội phạm ở Việt Nam. Học viên có kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng tri thức khoa học về tình hình tội phạm một cách sáng tạo trong học thuật, nghề nghiệp và tham gia xây dựng chính sách, pháp luật trong lĩnh vực đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm.
- 22. Tình hình tội phạm:** Học phần cung cấp kiến thức lý luận về tình hình tội phạm với hai nội dung cơ bản. Một là thực trạng của tội phạm - đặc điểm về mức độ và tính chất; Hai là diễn biến của tội phạm - đặc điểm về xu hướng vận động của tội phạm. Học viên có kiến thức lý luận chuyên sâu về tình hình tội phạm. Học phần trang bị cho người học có kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng tri thức khoa học về tình hình tội phạm một cách sáng tạo trong học thuật, nghề nghiệp và tham gia xây dựng chính sách, pháp luật trong lĩnh vực đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm.

- 23. Nhân thân người phạm tội:** Học phần cung cấp kiến thức lý luận về nhân thân người phạm tội; mối quan hệ giữa đặc điểm sinh học và xã hội của nhân thân người phạm tội; nghiên cứu các đặc điểm nhân thân người phạm tội có tác động chi phối hành vi phạm tội; Phân loại người phạm tội và đề ra các biện pháp phòng ngừa tội phạm và phòng ngừa tái phạm liên quan đến nhân thân người phạm tội. Học phần trang bị cho người học có kỹ năng phân tích, tổng hợp đánh giá các dữ liệu thông tin về người phạm tội đã thu thập được để có thể đánh giá được các đặc điểm nhân thân người phạm tội đã chi phối việc thực hiện hành vi phạm tội; đánh giá khả năng giáo dục cải tạo để đề xuất các biện pháp giáo dục cải tạo phù hợp ngăn ngừa tái phạm.
- 24. Nguyên nhân của tội phạm:** Học phần cung cấp kiến thức lý luận về nguyên nhân của tội phạm, cơ chế tâm lý xã hội của hành vi phạm tội; nghiên cứu làm sáng tỏ những thành tố quyết định luận trong sự tương tác làm phát sinh tội phạm. Học phần trang bị kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học trong các lĩnh vực chuyên sâu về nguyên nhân của tội phạm trên cơ sở đó đề đưa ra các biện pháp phòng ngừa tội phạm.
- 25. Phòng ngừa tội phạm:** Học phần cung cấp kiến thức những vấn đề chung về phòng ngừa tội phạm; Các định hướng phòng ngừa tội phạm và cơ chế tác động ở từng định hướng phòng ngừa tội phạm. Học phần giúp người học phát triển và sử dụng tri thức khoa học về Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm một cách sáng tạo trong học thuật, nghề nghiệp và tham gia xây dựng chính sách, pháp luật trong lĩnh vực đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm.
- 26. Phòng ngừa các tội phạm tham nhũng:** Học phần cung cấp kiến thức về phòng ngừa các tội phạm tham nhũng gồm ba nội dung cơ bản sau: Tình hình các tội phạm tham nhũng; nguyên nhân của tội phạm tham nhũng và phòng ngừa các tội phạm tham nhũng. Học phần trang bị cho người học kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng tri thức khoa học về Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm một cách sáng tạo trong học thuật, nghề nghiệp và tham gia xây dựng chính sách, pháp luật trong lĩnh vực đấu tranh chống và phòng ngừa các tội phạm tham nhũng.
- 27. Phòng ngừa các tội phạm về ma túy:** Học phần cung cấp kiến thức cho người học về tình hình tội phạm, nguyên nhân của tội phạm và nhân thân người phạm tội về ma túy. Nội dung học phần này còn cung cấp cho người học kiến thức về dự báo tội phạm, các định hướng phòng ngừa, các chủ thể và trách nhiệm của các chủ thể trong việc phòng ngừa các tội phạm về ma túy. Trên cơ sở đó người học có thể vận dụng kiến thức tập trung nghiên cứu chuyên sâu về tình hình tội phạm, nguyên nhân của tội phạm và xác định các định hướng phòng ngừa, các chủ thể và trách nhiệm của các chủ thể trong việc phòng ngừa đối với một tội phạm hoặc một số tội phạm cụ thể về ma túy ở Việt Nam hiện nay.

- 28. Phòng ngừa tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện:** Học phần cung cấp kiến thức những vấn đề lý luận, cơ sở pháp luật, thực trạng và các giải pháp tăng cường phòng ngừa tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện tại Việt Nam.
- 29. Phòng ngừa các tội xâm phạm nhân thân:** Học phần cung cấp kiến thức phòng ngừa các tội xâm phạm nhân thân gồm ba nội dung cơ bản sau: Tình hình các tội phạm xâm phạm nhân thân; nguyên nhân của tội xâm phạm nhân thân và phòng ngừa các tội xâm phạm nhân thân. Trên cơ sở đó người học có thể vận dụng kiến thức tập trung nghiên cứu chuyên sâu về tình hình tội phạm, nguyên nhân của tội phạm và xác định các định hướng phòng ngừa, các chủ thể và trách nhiệm của các chủ thể trong việc phòng ngừa đối với một tội phạm hoặc một số tội phạm xâm phạm nhân thân ở Việt Nam.
- 30. Phòng ngừa các tội xâm phạm sở hữu:** Học phần nghiên cứu phòng ngừa các tội phạm sở hữu gồm ba nội dung cơ bản sau: Tình hình các tội phạm xâm phạm sở hữu; nguyên nhân của tội xâm phạm sở hữu và phòng ngừa các tội xâm phạm sở hữu. Trên cơ sở đó người học có thể vận dụng kiến thức tập trung nghiên cứu chuyên sâu về tình hình tội phạm, nguyên nhân của tội phạm và xác định các định hướng phòng ngừa, các chủ thể và trách nhiệm của các chủ thể trong việc phòng ngừa đối với một tội phạm hoặc một số tội phạm sở hữu ở Việt Nam.
- 31. Phòng ngừa các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế:** Học phần cung cấp kiến thức cho người học về tình hình tội phạm, nguyên nhân của các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế. Nội dung học phần này còn cung cấp cho người học kiến thức về dự báo tội phạm, các định hướng phòng ngừa, các chủ thể và trách nhiệm của các chủ thể trong việc phòng ngừa các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế. Trên cơ sở đó người học có thể vận dụng kiến thức tập trung nghiên cứu chuyên sâu về tình hình tội phạm, nguyên nhân của tội phạm, các định hướng phòng ngừa, các chủ thể và trách nhiệm của các chủ thể trong việc phòng ngừa đối với một tội phạm hoặc một số tội phạm cụ thể xâm phạm trật tự quản lý kinh tế ở Việt Nam hiện nay.

14. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO


- Chương trình đào tạo được triển khai trong 6 kỳ (3 năm) đối với nghiên cứu sinh có trình độ thạc sĩ hoặc 8 kỳ (4 năm) đối với nghiên cứu sinh có trình độ cử nhân.

- Mỗi tín chỉ trong chương trình đào tạo được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của học viên, bao gồm hoạt động dạy học trên lớp (giảng lý thuyết và thảo luận), giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá. Đối với hoạt động dạy học trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện 12 giờ lý thuyết và 6 giờ thảo luận (tỷ lệ giờ lý thuyết 80% và thảo luận 20%, riêng học phần Triết học tỷ lệ giờ lý thuyết 70% và thảo luận 30% theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo). Một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

- Đối với các học phần bắt buộc và tự chọn ở trình độ Tiến sĩ, việc giảng dạy được tổ chức tập trung trong năm đầu tiên. Với mỗi khoá nghiên cứu sinh, Trường tổ chức giảng dạy 02 học phần tự chọn dựa trên sự lựa chọn theo lớp của cả khoá nghiên cứu sinh tuyển sinh trong năm.

- Đối với các học phần bổ sung kiến thức, thời gian giảng dạy mỗi học phần trong chương trình đào tạo tương ứng với số tín chỉ của học phần, cụ thể: học phần 02 tín chỉ giảng dạy trong 2 tuần; học phần 03 tín chỉ giảng dạy trong 3 tuần; học phần 04 tín chỉ giảng dạy trong 4 tuần (riêng học phần Triết học giảng dạy trong 4,5 tuần). Nghiên cứu sinh học bổ sung kiến thức tham gia học tập cùng với các lớp thạc sĩ định hướng nghiên cứu cùng ngành đào tạo

- Các học phần được tổ chức giảng dạy theo hình thức trực tiếp kết hợp với trực tuyến. Tối đa 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo được thực hiện bằng hình thức trực tuyến.

- Đối với các học phần là các tiểu luận tổng quan, chuyên đề tiến sĩ, luận án tiến sĩ, sản phẩm khoa học, học viên thực hiện dưới hình thức tự nghiên cứu. / 



Phụ lục I

ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN THAM GIA ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1308/QĐ-ĐHLHN ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	Họ và tên	Học hàm/ Học vị	Đơn vị công tác	Năm công nhận học vị	Lĩnh vực chuyên môn chuyên sâu
1.	Hoàng Xuân Châu	TS	Ban Giám hiệu	2011	Tội phạm học & PNTTP
2.	Nguyễn Văn Hương	PGS.TS	Phòng ĐT sau đại học	2009	Tội phạm học & PNTTP
3.	Đặng Thị Vân	PGS.TS	Khoa Pháp luật hình sự	2011	Tâm lý học tội phạm
4.	Nguyễn Thị Thanh Nga	PGS.TS	Khoa Pháp luật hình sự	2015	Tâm lý học tội phạm
5.	Nguyễn Tuyết Mai	TS	Phòng Thanh tra	2008	Tội phạm học & PNTTP
6.	Lưu Hoài Bảo	TS	Khoa Pháp luật hình sự	2018	Tội phạm học & PNTTP
7.	Nguyễn Việt Khánh Hòa	TS	Khoa Pháp luật hình sự	2025	Tội phạm học & PNTTP

Handwritten signature/initials.



Phụ lục II

CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1308/QĐ-ĐHLHN ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Trường Đại học Luật Hà Nội hiện đang được giao quản lý, sử dụng các cơ sở nhà đất: Trụ sở của Trường tại địa chỉ số 87 Nguyễn Chí Thanh, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội (Trụ sở Trường); Trụ sở Phân hiệu của Trường tại Đắc Lắc, địa chỉ tại Tổ dân phố 9, phường Tân An và số 02 Y Bih Aleo, Buôn Ma Thuột (Trụ sở Phân hiệu tại Đắc Lắc).

Trụ sở Trường nằm trên khuôn viên có diện tích đất 14.009 m², tổng diện tích sàn xây dựng là 36.475 m², gồm 12 tòa nhà lớn nhỏ (05 tòa nhà là nơi hiệu bộ hành chính, thư viện và hội trường, giảng đường học; 04 tòa nhỏ là phòng làm việc; 01 tòa ký túc xá, 01 tòa căng tin) và các công trình phụ trợ hiện đang sử dụng làm trụ sở làm việc và giảng dạy của Trường.

Trụ sở Phân hiệu tại Đắc Lắc tại Phường Tân An có tổng diện tích đất là 98.240 m², tổng số 24.633 m² sàn xây dựng, bao gồm 06 tòa nhà chính (01 tòa hành chính, 02 tòa giảng đường, 02 tòa ký túc xá, 01 tòa nhà công vụ, 01 nhà thi đấu thể thao) và các công trình phụ trợ; cơ sở nhà đất tại số 02 Y Bih Aleo có diện tích 540,5m², gồm 02 tòa nhà thấp tầng. Các cơ sở nhà đất hiện đang sử dụng làm trụ sở làm việc và giảng dạy của Trường tại Phân hiệu Đắc Lắc.

Ngoài ra, Trường được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đầu tư xây dựng cơ sở đào tạo tại địa chỉ Phường Đồng Nguyên, tỉnh Bắc Ninh trên khuôn viên đất có diện tích 278.800 m², khoảng 93.125 m² sàn xây dựng gồm các tòa nhà (01 tòa nhà hành chính – thư viện, 02 tòa giảng đường, 02 tòa ký túc xá, 01 nhà thi đấu thể dục thể thao) cùng với các công trình phụ trợ khác có thể đáp ứng quy mô đào tạo là 10.800 sinh viên.

Hiện nay, tại trụ sở Hà Nội và trụ sở Phân hiệu tại Đắc Lắc Trường có tổng số 93 hội trường/phòng học từ 25 chỗ ngồi đến 450 chỗ ngồi; 7 Phòng thực hành pháp luật, diễn án; 02 nhà tập đa năng với diện tích sàn xây dựng là 1.310 m², 5 phòng học đa phương tiện, 2 thư viện và nhiều phòng chức năng khác với các trang thiết bị được đầu tư đầy đủ, tương đối hiện đại (âm thanh, ánh sáng, máy chiếu, bàn ghế, bảng viết...) đáp ứng yêu cầu học tập, giảng dạy của Trường. *fel*



Phụ lục III

HỌC LIỆU PHỤC VỤ ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1308/QĐ-ĐHLHN ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Thư viện của Trường đáp ứng được gần 500 chỗ ngồi đọc và khoảng 22 máy tính phục vụ tra cứu. Số lượng tài liệu hiện tại có 27.100 tên bằng 185.762 cuốn tài liệu in trên tổng số 84.091 biểu ghi thư mục, trong đó có gần 200 đầu tạp chí Tiếng Việt và tiếng nước ngoài; 19.543 tên tài liệu số, thuê quyền truy cập cơ sở dữ liệu HeinOnline, Luật Việt Nam, Thư viện pháp luật, ProQuest Central, Cơ sở dữ liệu sách điện tử của Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật với 823 tên, 300 tên sách điện tử và nguồn tài liệu của Dự án MUTRAP 700 tên.

Bảng thống kê tài liệu thư viện (cập nhật đến 02/4/2026)

Bộ sưu tập	Tổng số thư mục	Thư mục (bản cứng)	Bản cứng	Thư mục (bản mềm)	Bản mềm	Thư mục (bản cứng hoặc mềm)
Giáo trình	1007	905	36067	189	189	36256
Khóa luận TN	5676	4102	5904	2733	2754	8658
Sách tham khảo	15496	14560	126523	225	226	126749
Luận văn, Luận án	6114	6100	12085	5976	5992	18077
Đề tài khoa học	803	664	765	703	704	1469
TL Hội nghị, hội thảo	658	622	792	559	560	1352
Bài viết tạp chí	52990	0		8109	8177	8177
Đa phương tiện	7	6	6	0		6
Tạp chí	213	140	3615	6	761	4376
TL truy cập mở	1127	1	5	1073	1075	1080
Tổng	84091	27100	185762	19573	20438	206200

gcu